TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ
RA HÀNG TUẦN

Tòa báo, ty trị sự, nhà in 95-97 phố Chanceaulme, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

* Cái khí hạo-nhiên... *Hoa-Bằng*
* Đại-Nam dật-sự (III) *Nguyễn-văn-Tố*
* Phê bình « Lục Vân Tiên dẫn giải »... *Kiều-thanh-Quế*
* Những ông nghè triều Lê (LVI) *Ứng-Hòe*
* Văn-hóa vật-chất (I) *Nguyễn-Văn-Tố*
* Luận về tư-duy (I) *Nguyễn-đình-Thi*
* Tả-quân Lê-văn-Duyệt (VI) *Nguyễn Triệu*
* Đề bàn với ông Vũ-ngọc-Phan... *Khiết-Phủ*
* Từ Trần-Bình-Trọng đến Trần-Khát-Chân...(I) *Nhật-Nham*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XXIX) *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 106
Thứ năm, 5 Août 1943

0$30

CÁI KHÍ HẠO-NHIÊN

cần phải có trong đám sĩ-phu ta

HOA-BẰNG

MỘT bậc tiền-bối kia, sinh-thời, khi còn ở ngoại quốc, có viết về việc một người cháu đi du học ở về cố quốc, đại khái: « Sau khi về nước, nếu hắn mắt ta nhìn sắc đẹp, tai thích nghe tiếng ngọt, miệng hám ăn những món ngon... thì rồi, cái ắc hắn đến quăng cả chí khí, cái ắng làm trò trống gì được đâu!...» Ý cụ ấy cho rằng kẻ sĩ nếu cứ quá say-mê về vật chất, cố làm cho thỏa mọi thứ thị-dục, không giữ được cái khí hạo-nhiên, thì tất đến dâm-dật dơi đồi khuất phục trước những miếng phú-quí, cảnh nghèo hèn hoặc ngón oai võ! Những lời ra từ miệng người từng trải ấy thật đáng cho ta ngẫm-nghĩ sâu xa.

Mở lại trang sử nước nhà ra đọc, ta thấy nhiều cụ sở dĩ làm trọn được những chữ trung, nghĩa, tiết, liệt là bình-nhật, các cụ đã biết chọn lấy một cuộc đời sống rất thanh-đạm, rất dản-dị, rất hiêu-nhiên.

***

Phạm Ngũ-Lão, một danh tướng dưới các triều Trần Nhân (1279-1293), Trần Anh (1293-1314) và Trần Minh (1314-1329), sở dĩ chiến thắng Mông-cổ, lập được nhiều chiến công oanh-liệt trong những trận đánh Ai lao và Chiêm-thành, đã đành vì ngài hành quân có kỷ-luật, đãi tướng-tá như người nhà và chia cay xẻ ngọt với quân tính, nhưng cái cớ chính cũng bởi ngài, trong khi chinh-phạt mọi nơi, phàm những của-cải lấy được đều cho sung làm của chung để chứa và dùng trong quân giới, nên những tướng sĩ đứng dưới bóng cờ của ngài, ai cũng cảm phục, kết thành một khối thân ái như tình cha con, thành thử đánh đâu được đấy. (Theo truyện *Phạm Ngũ Lão* trong mục *Võ tướng*, sách *Việt sử tổng vịnh*).

Tại sao Phạm tướng-quân giữ được tấm lòng duyên ấy, vì công và gây được cảm tình đằm-thắm giữa vòng quân-ngũ như vậy? Chính bởi ngài không đam mê vật-dục, giữ trong sạch được cái tư-cách quân-nhân, coi tiền-tài bằng con mắt dửng-dưng, cao giọng thường ngâm vần thơ « *Hoành sóc...*»

橫槊江山恰幾秋
三軍縱虎氣吞牛
男兒未了功名債
羞聽人間說武侯

Hoành sóc giang sơn cáp kỷ thu, (1)
Tam quân tùng hổ khí (2) thôn ngưu!
Nam-nhi vị liễu công danh trái,
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu!

Dịch

Ngang giáo non sông mấy độ thu,
Khí quân gầu cọp nuốt sao Ngâu!
Công danh nợ ấy, chưa trang sạch:
Thẹn mảng người khoe chuyện Vũ-hầu!

***

Chu An, người làng Quang-liệt, huyện Thanh-đàm (nay là huyện Thanh-trì, thuộc Hà-đông, tính cương-trực, cảnh-giới, thanh-cao và giữ-gìn, không thích cho đời biết tiếng. Tiên-sinh có mở trường dạy học. Cái học nghiệp tinh-túy và thuần chất của tiên-sinh đã gây-dựng cho học trò được thành đạt rất nhiều. Đời vua Trần Minh-Tông (1314-1329), ai tiên-sinh là bậc đạo-học, được vời phong làm Quốc-tử giám tư-nghiệp. Về sau, vua Trần Giụ-Tông (1341-1369) trễ nải chính-sự, quần thần phần nhiều trái phép; tiên-sinh can-ngăn, nhà vua không nghe, bèn dâng sớ xin chém bảy người nịnh-thần. Sớ đưa lên, không được thi-hành, tiên-sinh liền treo mũ, từ quan, về điền-lý. Yêu phong-cảnh Linh-sơn, tiên-sinh đến ẩn ở đó, tự hiệu là Tiều ẩn (kẻ ẩn dật làm nghề hái củi), được Tư-đồ Trần-Nguyên-Đán tôn là bậc « Thượng-tường sơn đầu », ý vì tiên-sinh ở trong nhà Đại-học (tức là chỉ về học giới) cao như núi Thái-sơn, sáng như sao Bắc-đẩu (theo truyện *Chu An* trong mục *Hiền thần*, sách *Việt sử tổng-vịnh*)

Cụ Chu An dám dâng sớ xin chém bảy kẻ nịnh thần, dám treo mũ, về quê, là vì trong mắt cụ chỉ thấy có việc nước là trọng, chứ không lo được lo mất cái chức Quốc-tử tư-nghiệp ở triều vua Trần Giụ Tông. Vì cụ nghĩ rằng xuất chính là cốt thực hành cái chủ-nghĩa tri

trạch, nếu không giúp ích được người trên, làm ơn được cho người dưới thì thà về điền lý, cao theo bốn chữ « thượng tuồng sơn đầu » còn hơn. Còn như sự sống hằng ngày thì một bó rau, một mớ khoai ở núi Chí-linh cũng đủ lắm rồi, cần gì phải cao lương mỹ vị ?

***

Trần Đình-Liễn, người Gia-lâm, Bắc-ninh, đỗ tiến-sĩ đời Cảnh hưng (1740-1786), chức đến tham chính Sơn-nam, tước đến Đông các học-sĩ; nếu xoay theo tân-triều thì chắc Liễn chẳng đi đâu mà mất cái ngôi phú quí, có khi lại vinh thăng tôn quí hơn ở nhà Lê nữa kia. Thế mà Liễn dám theo vua Lê Chiêu-thống chạy đến núi Chí linh, dám mưu việc mộ quân cần vương để chống với Tây-sơn, dám uống thuốc độc tự tử cho tròn một tiết cố trung với cố chủ (Theo *Đại Nam nhất thống chí*, quyển *Bắc ninh*). Đó vì Liễn chỉ biết chết theo đại nghĩa, chứ không hám cái sống đầy hoa-hỹ, cái sống để tận hưởng những khoái-lạc về vật-chất tầm thường.

***

Gần đây, cụ Nguyễn Huy-Đức, biệt hiệu Liễn-đình, tục gọi cụ Cử Võ thạch, sau khi đỗ hương-tiến (tức cử-nhân) khoa mậu ngọ đời Tự-đức (1848-1883), ở nhà, mười mẹ già, dạy học trò, lấy sự được giáo-dục anh-tài làm vui sướng. Khoảng năm qui-dậu đời Tự-đức, có xảy biến-cố ở Hà-thành, tiên-sinh thường ngâm bài thơ phượng hoàng sơn của cụ Chu Văn-Trinh để tỏ chí-hướng. Bấy giờ hai ông Nguyễn Chính và Trần Túc rất tôn trọng tiên-sinh có dâng sớ xin cử tiên-sinh làm đề-học. Nhưng tiên-sinh cố từ rằng : « Tính tôi thô sơ và cùng-về, mà mẹ già lại trông-cậy vào tôi sự săn-sóc nuôi-dưỡng. Nếu tôi được ở yên nơi hành-môn (chỗ ở của ẩn-sĩ) để dạy học, thì mai sau có học trò thành tài để cung cho Triều đình sai-khiến, ấy cũng là một cách báo ơn Triều-đình đấy ! » (Theo bài bia bằng chữ hán (3) đề ngày tháng bảy, năm Thành-thái thứ mười lam, 1903, do môn-sinh của tiên sinh là cụ Cử Lương Văn-Can soạn).

Tại sao Huy-Đức tiên-sinh ôm vững được sĩ-khí, không hám miếng đỉnh chung mà theo đuổi được đến cuối-cùng một công-cuộc gây dựng nhân tài để giúp ích quốc-gia như thế ? Xét ra chỉ vì tiên-sinh giữ chặt được cái giản nước thanh-đạm của lối sinh hoạt nhà nho, ruồng-rẫy hết thảy những cái ưa-muốn thường-tục, nên lúc nào cũng như lúc nào, tiên-sinh có thể thực-hành được những điều đã hoài bão, trong một cuộc đời đạm-bạc, tự-nhiên.

***

Để kết bài này, tôi xin mượn mấy lời trong *Trúc song tùy bút* của Châu-Hoành dưới cái đầu đề là « Túy sinh mộng tử » (sống say chết mộng) :

Sống say chết mộng. Đó là lời nói thường mà thực là lời nói rất phải... Hạng giàu sang sớm vội tối vội để hưởng lấy thị-dục khoái-lạc. Vội đến chết mới thôi, mà lòng vẫn chưa thỏa được. Rồi ôm cái lòng ấy mà đem đi lại tái sinh, lại vội-vàng rồi lại chết. Chết sống, sống chết, lờ mờ tối tăm, như say, như mộng, trải trăm ngàn kiếp không có lúc nào tận-cùng. Có chăng chỉ bậc đại-trượng-phu, là mới thỉnh-thức một cách sáng-suốt. » (dịch theo nguyên văn chữ hán quyển I, tr. 34 b — 35 a).

Nhưng, bậc đại-trượng-phu đó là ai ? Phải chăng là hạng người nuôi được cái khí hạo-nhiên, không dâu vì phú quí, không đổi đổ vì nghèo hèn, không khuất phục vì uy-vũ, như ông Mạnh tử đã nêu ra làm đích cho sĩ-phu bươn theo đó chăng ?

Một ông bạn vong niên có nói với tôi : « *Nếu ta cứ ăn được mãi rau muống chấm tương thì chẳng khỉ nào đến nỗi phải quăng bỏ nhân-cách...* » Phải chăng đó lại là một bí-quyết để giữ lấy cái khí hạo nhiên ?

HOÀ BẰNG

(1 Có bản chép là kỷ độ thu.
(2) Có bản chép là chí.
(3) Do bạn Phạm Vũ sao chép giùm. Xin cảm ơn.

Giới thiệu

Giáo dục tạp chí (Revue mensuelle de l'Education) năm thứ nhất, số 8 là tạp chí viết bằng tiếng Pháp và quốc văn xuất bản dưới quyền kiểm soát của quan Thượng Thư bộ giáo dục Huế, do các quan chức bộ ấy và các giáo viên ở Trung kỳ giúp bài vở — ông Nguyễn Khoa Toàn đứng giám-đốc. Tòa báo tại bộ giáo dục Huế.

Tri-Tân xin vui lòng giới thiệu với độc giả và chúc cho tờ tạp chí giáo dục thẳng tiến trên con đường đã vạch.

« Trai nước Nam làm gì » của ông Hoàng đạo Thúy là quyển sách do nhà xuất bản Thời Đại phát hành, sách in đẹp, dầy 200 trang. Trong sách có dẫn những bằng chứng lịch sử, những châm ngôn của Thánh Hiền để làm khuôn mẫu cho một nền giáo dục của thanh niên. Tri Tân xin cảm tạ nhà xuất bản và vui lòng giới thiệu cùng độc giả thân yêu.

Tri Tân

ĐẠI-NAM DẬT-SỰ

Số 3

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

II. — Người Nam làm quan Tàu (*bài nối*)

Hai truyện chép dưới này là truyện Lý-ông-Trọng và truyện Khương-công-Phụ.

Truyện Lý-ông-Trọng hình như là truyện thần-tiên. Nếu có Lý-ông-Trọng thật, thì cũng đáng khen là người chí-khí anh-hùng, vì đáng là một tên phu làm xâu cho làng, bị người đầu hu đanh, mà tức giận, bỏ nhà, bỏ nước, đi học, làm quan, đến khi chết hãy còn nổi tiếng ở nước người. Nhưng ngoài câu chuyện thần tiên ra, không thấy sách chép có công gì với nước ta cả.

Còn như Khương-công-Phụ và em là Khương-công-Phục đều đỗ tiến-sĩ đời Đường, thì chỉ là người học giỏi mà thôi, đã không có ích gì cho nước ta, lại còn « bán trực mua danh », làm cho ai cũng phải chê.

Có người nói Khương-công-Phụ là người Tàu, nên không ích gì cho nước ta; nhưng xem mấy quyển sử ta, đều thấy chép là người Cửu-chân; quyển *An-nam chí nguyên* của Tàu (Cao-hùng-Trưng) cũng chép vào nhân-vật nước Nam.

Đã là người nước Nam mà lại có học, đỗ đến tiến-sĩ đời Đường là đời văn thịnh, thế mà chỉ bôn-hạ lối lợi đường danh, quên cả quê cha đất tổ, thật không đáng kính phục tỷ nào! Biết-tưởng những người học giỏi tài cao, phải ích cho nước, giúp cho dân, ít ra cũng như Lý-Tiến, Lý-Cầm mới phải.

***

Năm canh-thìn (221 trước Thiên-Chúa) là năm thứ 37 vua Thục An-dương-vương, nước Giao-chỉ ta có Lý-ông-Trọng, người huyện Từ-liêm (bây giờ là phủ Hoài-đức), mình dài « hai trượng, ba thước ». Lúc nhỏ, sang ấp láng-giềng, đi phu, bị trưởng-quan đánh (đây là chép theo *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 1, tờ 8 a; còn *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 13 a, chép Lý-ông-Trọng là người khí-chất đoan-trọng, khác với người thường; lúc nhỏ làm huyện-lại, bị đốc-bưu đánh; ông than rằng: « Người ta sinh ra ở đời, lại chịu như thế ư! », rồi sang Tàu học kinh truyện, (chư sử) làm quan nhà Tần, đến chức tư-lệ hiệu-úy (tức như thủ-tướng bây giờ). Khi Tần Thủy-hoàng được thiên-hạ, thôn-tính cả sáu nước (Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở), sai Lý-ông-Trọng đem binh giữ Lâm-thao, nổi tiếng sang đến Hung-nô. Tần Thủy-hoàng lấy ông làm điềm lành cho nước, nên đến khi ông về vườn, mất ở làng, Tần Thủy-hoàng sai đúc tượng đồng, đặt ở cửa tư-mã cung Hàm-dương, trong bụng có thể chứa được vài mươi người. Tần Thủy-hoàng ngầm sai người lay động! Hung-nô đến nước Tần trông thấy, cho là Lý-ông-Trọng hãy còn sống, không dám xâm phạm.

Đến đời Triệu-Xương nhà Đường làm đô-hộ Giao-châu (năm 791 sau Thiên-Chúa), thường đêm mộng thấy Lý-ông-Trọng, rồi hai người cùng giảng *Xuân-thu*, *Tả-truyện*. Nhân hỏi đến chỗ ở cũ, mới biết nhà vườn hoang rậm đã lâu; Triệu-Xương bèn dựng đền thờ, sai người đứng tế.

Khi Cao-Biền đánh Nam-chiếu (năm 865), Lý-ông-Trọng thường hiển ứng giúp đỡ. Cao-Biền sửa lại đền thờ, tạc tượng bằng gỗ, gọi là đền Lý hiệu-úy. Đền ấy hiện ở làng Thụy-phương, tức làng Trèm bây giờ (chép theo *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 1, tờ 8 a, và *Khâm-định Việt-sử*, quyển 1, tờ 13 a-b).

Việt-sử tiêu-ấn của Ngô-thì-Sĩ (quyển 1, tờ 11 a-b) có bài bàn rằng: « Xét sử cũ chép hình tượng Lý-ông-Trọng và đầu đuôi việc làm quan với nhà Tần, chưa chắc đúng. Tại quyển *Thập-thất sử* chép đời Tần có người lớn năm trượng, và Hồ-mẫu-Kính nói: « Đất năm trăm năm tất có người lạ to lớn », mà lúc bấy giờ người nước ta làm quan với nhà Tần, hoặc cũng có người to lớn chăng, nên nhân tên là Ông-Trọng, ngoại-sử mới dẫn vào để cho câu chuyện hóa thực. Đến như việc lập công ở dị-vực, người Tần đúc tượng để dọa Hung-nô, cũng chưa chắc có, vì từ Tần, Hán về sau, cung-điện nhà vua phần nhiều có tượng người tượng ngựa để trấn-áp: như nhà Tần đúc 12 người vàng,

không có tên gọi; vua Ngụy muốn dời kinh-đô sang đất Nghiệp, nặng không chuyển nổi, mới phát đồng đúc ba người gọi là « ông trọng », bầy ở cửa tư-mã, và chỗ đàn miếu đình Thiên-tư (xuất-xứ ở *Thủy kinh chú)* có hai « ông trọng » bằng đá đối nhau; thế thì cái tên gọi là « ông trọng » cũng như tên thần « phi-liêm ». Sau vì Lý-ôn-Trọng linh thiêng, nên phụ-hội cho câu chuyện có vẻ thần-kỳ ».

***

Khương-công-Phụ, người xã Sơn-đồi, huyện Yên-định, quận Cửu-chân. Cha là Đĩnh, em là Công-Phục, đều đỗ tiến-sĩ đời Đường. Công-Phục làm quan đến Bắc-quận thái-thú (*Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 5, tờ 6 a, chép lầm đến Bắc-bộ thị-lang). Công-Phụ hay làm văn, có bài *Bạch vân chiếu xuân hải* (Mây trắng chiếu bể xuân), được đời Đường tôn là kiệt-tác (chép theo *Việt-sử tiêu-án*, quyển 1, tờ 46 a).

Công-Phụ đỗ tiến-sĩ đời vua Đức-tông nhà Đường (780-802; *Đại-Việt sử-ký toàn-thư*, quyển 5, tờ 5 a, chép Công-Phụ làm quan từ năm Hưng-nguyên thứ nhất, tức năm 784), bổ chức hiệu-thư-lang, vì bài chế sách khác thường, được bổ chức tả-thập-dí Hàn-lâm học-sĩ (chép theo *An-nam chí nguyên*, quyển 3, trang 178; *Đại-Việt sử-ký toàn thư*, quyển 5, tờ 5 a, chép là hữu-thập-dí). Theo lệ đủ niên-hạn phải thuyên-chuyển, nhưng vì ông còn mẹ, nên được ăn lộc mà ở nhà nuôi mẹ. Ông xin giữ chức tham-quân tào-hộ ở kinh-triệu.

Vốn người có cao-tài nên mỗi lần ra mắt vua, thường tâu-bày rõ-ràng: vua Đức-tông quí-trọng.

Khi Chu-Thử về kinh-sư, Công Phụ can Đức-tông rằng: « Bệ-hạ nếu không đãi Chu-Thử một cách rộng-rãi, chỉ bằng giết đi, còn hơn nuôi hổ để thêm lo về sau ». Vua không nghe. Được ít lâu, kinh-sư đồi loạn: vua Đường chạy ra cửa Uyển-bắc; Công-Phụ nằm cương ngựa can rằng: « Chu-Thử đã từng cầm quân ở Kinh-nguyên, thu phục được lòng dân. Hôm nọ vì Chu-Thao làm phản, Chu-Thử bị mất binh-quyền, hóa cho nên ngày thường vẫn đem lòng phẫn-uất. Nay xin bắt ngay Chu-Thử đi theo, chớ để cho bọn hung-đồ lợi-dụng ». Trong khi thảng thốt, vua Đường không kịp nghe.

Khi vua đã ra khỏi kinh-thành, muốn dừng lại ở Phượng-tường để nương-tựa vào Trương-Đật; Công-Phụ tâu rằng: « Trương-Đật tuy là người bày-tôi đáng tin, nhưng lại là quan văn, và quan quân của Trương-Đật coi đều là bộ-thuộc của Chu-Thử. Một mai quân ở Ngư-dương đột khởi, nếu thẳng tới Kinh-nguyên làm loạn, thì không phải kế vạn toàn của Bệ-hạ ».

Vua bèn đi Phụng-thiên. Có người nói: « Chu-Thử làm phản, xin vua phòng giữ ». Lư-Kỷ tâu rằng: « Chu-Thử là người trung-trực đốc-thực, cớ gì lại nói là làm phản, để hại đến lòng đại-thần? Tôi xin đem một trăm miệng bảo-lĩnh ».

Vua biết quần-thần phần nhiều khuyên Chu Thử đem xe-giá đón vua, mới ban chiếu các đạo binh đóng trại cách thành một xá. Công-Phụ nói: « Đứng vương-giả không nghiêm việc võ-bị, làm sao trọng được oai-lịnh? Nay quân cấm-lữ ít, mà sĩ-mã ở cả ngoài, chính là nguy cho Bệ-hạ ». Vua nói rằng phải, rồi triệu tất cả các quân vào trong.

Quân-Chu-Thử quả-nhiên đến, y như lời Công-Phụ nói. Vua mới thăng Công-Phụ chức giản-nghị đại-phu đồng trung-thư môn-hạ bình-chương-sự (tức tể-tướng).

Khi vua Đức-tông dời đến đất Lương, trưởng-nữ là Đường-an công-chúa bị mất ở giữa đường. Vua muốn dựng tháp để hậu-táng. Công Phụ can rằng: « Tôi thiết nghĩ Sơn-nam không phải là đất Tràng-an, nên kiệm-ước, để phòng khi nguy-cấp ». Vua bảo Lục-Chí rằng: « Công-Phụ muốn sửa điều nhầm lỗi của trẫm, ấy là cầu danh đó ». Lục-Chí tâu rằng: « Chức Công Phụ là phải can-ngăn; nếu nhà vua có lỗi, mà Công-Phụ sửa chữa được, chính là phải đấy ». Vua nói rằng: « Không phải thế: Công-Phụ muốn bán trực mua danh », rồi đổi Công Phụ xuống chức thái-tử tả thứ-tử.

Khi mẹ Công Phụ chết đã hết tang, Công-Phụ lại khai phục chức hữu thứ-tử, nhưng lâu năm không được lên chức. Lúc bấy giờ Lục-Chí làm tướng, Công-Phụ thường đến xin thăng. Lục-Chí mật bảo rằng: « Quan thừa-tướng là Đậu-Tham, xin hộ luôn luôn, nhưng vua không bằng lòng ». Vì thế, Công-Phụ sợ, xin làm đạo-sĩ. Vua hỏi cớ sao. Công-Phụ không dám tiết-lậu lời của Lục-Chí, chỉ nói Đậu-Tham đã xin nhiều lần không được. Vua giận, đẩy làm chức biệt-giá ở Tuyền-châu, rồi sai sứ đến trách Đậu-Tham.

Nhi vua Thuận-tông lên ngôi nhà Đường, cho Công-Phụ làm thứ-sử Cát-châu; nhưng Công-Phụ chưa kịp tới chỗ làm quan thì mất (chép theo *An-nam chí nguyên*, quyển 3, trang 178-180).

(Còn nữa)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Phê-bình

LỤC-VÂN-TIÊN DẪN GIẢI của ĐINH XUÂN-HỘI

KIỀU THANH QUẾ viết

NGÀY 26 6-1943 ở Saigon làm lễ kỷ niệm tác giả *Lục Vân Tiên* ở nhà Hát Địa Phương.

Hôm nay (trung tuần tháng juillet) khắp phố phường Saigon đã có bán quyển Lục Vân Tiên dẫn giải của Đinh xuân Hội.

Thật không còn gì hợp thời bằng !..

Bao nhiêu bực trí thức và các độc gia nhiệt thành của xứ Nam kỳ đua nhau mua đọc tác phẩm của Đinh xuân-Hội. Gặp nhau họ thường hỏi nhau : « Anh đã đọc quyển Lục Vân Tiên dẫn giải chưa ? »

Gặp tác giả *Tôn thọ Tường* tại tòa Đốc-lý thành phố trong dịp đi xem cuộc trưng bày các tranh anh lịch sử của sinh viên Nam kỳ ngày 14-7 tôi cũng được ân cần mời mọc bằng câu hỏi ấy.

Lẽ tất nhiên là tôi cũng nôn đọc tác phẩm của Đinh xuân Hội như bao nhiêu người.

Tôi nôn đọc.

Cũng như Đinh xuân Hội nôn viết. Cho kịp xuất bản vào dịp « hợp thời » hiếm có này !

Vì nôn viết nên trong « lời tựa », Đinh quân vội vội vàng vàng chép tiểu sử tác giả *Lục Vân Tiên* chỉ có thế này :

« Cụ người ở Nam kỳ tục gọi là cụ Đồ Chiểu sanh *lối năm 1825* tại Saigon, cha mẹ cụ gốc người Thừa thiên, có di trú tại Huế. Cụ thuở bé học hành tại Huế ; năm 1843, cụ thi đậu tú tài tại Saigon »

Chép vắn tắt như thế mà đúng, thì cũng « không hại gì » !...

Nhưng thưa các độc giả : cụ Đồ Chiểu không phải sanh lối năm 1825 ; mà cụ sanh *ngày 13 tháng 5 năm Nhâm ngũ (1822).*

Cũng trong « lời tựa », cách đó một đoạn, Đinh xuân Hội viết : « ... Lúc nhàn lại bảo người nhà đem truyện Tây-Minh mà đọc, cụ nghe mà *thấy trong ấy có nhiều tình cảnh như tình cảnh của cụ đã gặp được*. Mới sinh cái thương tâm vô hạn mà soạn ra bộ *Lục Vân Tiên* »

Gốc tích truyện Tây-Minh hiện nay vẫn còn mờ mịt lam chưa học giả nào xứ ta tìm ra được.

Câu chuyện « Tây Minh, Lục Vân Tiên » sở dĩ người ta bàn bàn luận luận là phỏng theo câu chuyện « Kim Vân Kiều truyện của Thanh-Tâm tài nhân và Truyện Kiều của Nguyễn-Du », chớ chưa có gì làm chắc.

Nay ông Đinh xuân Hội dám bảo cụ Đồ Chiểu soạn ra Lục Vân Tiên là do thấy trong truyện Tây Minh « có nhiều tình cảnh như cái tình cảnh của cụ đã gặp được », thì ông phải giải rõ gốc tích truyện Tây Minh, cho học giả trong nước được biết thêm một tài liệu văn học quí giá mà ông là kẻ đầu tiên đã khám phá ra.

Trước khi sao chép *Lục Vân Tiên*, Đinh xuân Hội đã nhận nó là « truyện của người đường trong, tiếng nói theo thổ âm và lối văn lại theo cổ cách ».

Thế mà đến lúc sao chép, ông lại làm khác : tiếng thổ âm Nam kỳ nào ông không hiểu, ông tự ý chép theo tiếng Bắc ; có đoạn ông tự tiện bỏ hai ba câu, bốn năm câu. Từ đầu đến cuối truyện, sao chép sai nhiều lắm.

Dưới đây, xin phép độc giả « lược qua » những chữ chép lầm, những đoạn sao lục thiếu của Đinh xuân Hội.

I Những chữ chép lầm

TRANG	GIỌNG	CHÉP SAI	CHỮA LẠI ĐÚNG
17	4	Dữ dăn việc trước, dành lẻ thân sau	Giữ răn việc trước lành dè thân sau,
20	27	Mấy lời chẳng dám nói ra	Mấy lời chẳng dám nói ra (do câu « thiên cơ bất khả lậu »)

TRANG	GIÒNG	CHÉP SAI	CHỮA LẠI
22	45	Vào chơi cho tỏ sự tình	Đêm nay mà rõ sự tình
	46	Vậy sao nghìn dặm đăng trình mới an.	Ngày mai ngàn dặm đăng trình mới an (1)
23	70	Bao giờ gặp chuột ra đường nên danh,	Gặp chuột ra đường con mới nên danh.
25	78	Ngùi ngùi lại ngó vào nơi học đường	Ngùi ngùi ngó lại (2) vào nơi học đường
26	89	Phút đâu đã tới lân gia	Âu là kiếm chốn lân gia
	90	Trước là tham bạn sau là nghỉ chân	Trước là tầm bạn sau là nghỉ chân (3)
28	116	Hỏi thăm lũ nó còn dình nơi nao	Hỏi thăm lũ nó hành hung nơi nào
30	123	Vân Tiên đứng lại bên đường	Vân Tiên dừng lại bên đàng
	124	Bẻ cây làm gậy rẽ ngàn chạy vô	Bẻ cây làm gậy nhằm làng chạy vô
31	134	Đều quăng gươm giáo ra đường chạy ngay	Đều quang gươm giáo nhằm đàng chạy ngay (4)
37	214	Thiếp xin làm một bài thơ tạ từ	Thiếp xin dưng một bài thơ mựa từ (5)
38	215	Vân Tiên ngó lại lòng ưa	Vân Tiên day lại rằng ừ
	216	Làm thơ cho kịp, một giờ chớ lâu	Làm thơ cho kịp, bảy chữ chớ lâu
46	301	Trên rừng hả dễ một cây	Nên rừng hả dễ một cây (do câu : « độc mộc bất thành lâm »
50	334	Tin ong ngơ ngẩn, tiếng ve vang rầy	Tin ong ngơ ngẩn, tiếng ve vang đầy
52	353	Ông rằng : « Này nghĩa tế sang »	Công rằng : Này rể mới sang »
53	361	Cha rằng cho kẻ qua mời	Cha đà sai kẻ qua mời
57	414	Hãi xin cho nhớ chuyện Chu mãi Thần	Chớ nghi Ngô Khởi, hãy lo Mai Thần (6)
64	453	Kia là thuốc lá rượu dâu	Kia là thuốc lá ướp ngâu (7)
127	1267	Kiều công e sợ tiếng nường	Kiều công nghe theo lời nàng.

Ở đây, xin giải thêm về những chữ chúng tôi cho là đúng trên kia.

(1) «... *Xảy nghe mở hội khoa thi, Vân Tiên vào tạ Tôn sư ra về* ». Lúc ấy, Tôn sư biết số phận Vân-Tiên còn lận đận lắm. Nhưng « *Máy trời chẳng dám nói ra* ».

Khi « *Tôn sư vào chốn hậu đường* » rồi, « *Vân Tiên ngơ ngẩn lòng càng sanh nghi* », « *chẳng hay mình mắc việc chi?* » « *chi bằng hỏi lại một lời cho minh* »

Tâm sự Vân Tiên như thế, vì vậy Đồ Chiểu mới viết :

Đêm nay mà rõ sự tình
Ngày mai ngàn dặm đăng trình mới an.

Chớ bảo « *vào chơi cho tỏ sự tình* » thì không nghĩa. Vả lại Vân Tiên vào cầu thầy dạy việc vị-lai cho mình thì không thể bảo « vào chơi » được!

(2) Khi Vân Tiên « *ra đi vừa tận chân trời* », thì bấy giờ « *ngùi ngùi ngó lại vào nơi học đường* ». Ngó lại có nghĩa là ngoảnh lại. Chớ *lại ngó* thì sai nghĩa của tác giả.

(3) Khi Vân Tiên « *ra đi vừa tận chân trời* » thì đã có chốn nào là chốn lân gia đâu, kẻ nào là bạn hữu đâu ? Thế nên Đồ Chiểu mới viết ;

(Xem tiếp trang 18)

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 56

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

BIA thứ tám, hiện còn dựng ở sân Văn-miếu Hà-nội, chính là bia thứ mười-một, thế là mất ba tấm bia, là bia Quang-thuận thứ mười (1469), Hồng-đức thứ ba (1472) và thứ mười-lam (1484). Những tên các ông nghè khoa 1469 và 1472 đã lục-đang cả rồi, chỉ còn thiếu các ông nghè khoa 1484: bắt đầu từ kỳ sau sẽ đăng. Nay xin đăng « bài ký đề tên các ông tiến-sĩ đỗ khoa đinh-mùi (1478) năm Hồng-đức thứ mười-lam » *Hồng đức thập-bát niên đinh-mùi khoa tiến sĩ đề danh ký*):

« Giời cho nhà vua được thái-bình thịnh trị ức muôn năm, tất sinh ra người hiền-tài để nhà vua dùng: trị dân được thịnh, cốt ở việc cầu hiền; người hiền-tài được nhiều cốt ở sự dạy-dỗ. Kinh *Thi* có câu: « Những học-trò giỏi kia may sinh trong vương-quốc này!... » (nước vua Văn-vương). Lại có câu: « Vua nhà Chu là bậc thọ-khảo, sao chẳng dạy người? » Vậy thì mở lối trị dân được thái-bình lâu dài, chẳng phải nhiều nhân-tài, sao được thế?

« Đức Thái-tổ Cao hoàng-đế thánh triều (Lê Lợi, 1428-1433), khi mới thay ngôi giời, đặt niên-hiệu, lấy việc dựng nhà học, nuôi người hiền làm đầu. Các vua nối theo, kính noi phép trước, đặt khoa thi, lấy học-trò, dùng ra làm quan, qui-mô rất là rộng-xa. Đến đức Hoàng-thượng (Lê Thánh-tông) trung hưng (1460), các việc mở-mang thêm rộng, chuyên cần việc trị nước, lo-lắng việc dùng người, đến nay (1487) là 28 năm, kỳ đại tỷ mở khoa thi (đời xưa cứ ba năm một lần, nhà vua xét xem có người nào tài-đức, dùng ra làm quan, gọi là đại-tỷ; đời sau, nhân thế gọi khoa thi là đại-tỷ), (đời vua Lê Thái-tông) kể đã chín khoa. Năm nay là năm đinh-mùi, hiệu Hồng-đức thứ 18, tháng ba, quan Lễ bộ theo lệ cũ, vâng mệnh vua, họp những học-trò trong nước đến thi, chọn người giỏi được 60 người.

« Mồng bảy tháng tư, Hoàng-thượng ngự trường, ra đầu bài thi, hỏi việc trị nước, sau khi xem quyển, triệu những người hạng ưu, vào cửa Nguyệt-quang, vua tự quyết-định, lấy Trần-sùng-Đĩnh đỗ thứ nhất (trạng-nguyên), Nguyễn-đức-Huấn thứ hai (bảng-nhỡn), Thân-cảnh-Vân thứ ba (thám-hoa), đều cho đỗ tiến-sĩ cập-đệ. Từ Vũ-Cảnh dở xuống 30 người, cho đỗ tiến-sĩ xuất-thân; từ Phạm-Trân dở xuống 27 người cho đỗ đồng tiến-sĩ xuất-thân: thế là thận-trọng việc thi-tuyển.

« Mồng bốn tháng năm, vua ngự điện Kính-thiên, sai người truyền loa xướng tên, bách quan triều-phục lạy mừng, rồi yết bảng vàng ở ngoài cửa Đông-hoa. Sĩ thứ trong nước tụ họp lại, xúm quanh xem, đều khen rằng: « Thánh-đại văn-minh, nhân-tài kéo ra lũ lượt, thực là cái điềm tốt đời thịnh ». Thưởng cho đồ vật nghi-văn (cờ biển mũ áo), y như lệ cũ.

« Đức Hoàng-thượng cho những ân-sủng ấy chỉ vinh diệu một thời đem tính-danh khắc vào vàng đá, mới có thể để lại được lâu dài. Bèn sai quan bộ Công chạm đá khắc tên, sai kẻ hạ-thần là Nhân-Trung làm bài ký chép việc.

Tôi trộm nghĩ: nhân tài thịnh nhiều, vốn quan hệ ở khí-hóa của giời đất, nhưng phải cốt ở giáo hóa của thánh nhân: có khí hóa của giời đất, thì điềm lành hội-họp, bay khắp trong không trung nên sinh ra hiền-sĩ được nhiều, có giáo hóa của thánh-nhân, thì văn-đức hun-rèn, sĩ dân vui vẻ, mới thành ra nhân-tài được tốt.

« Đức Khổng-Tử nói: « Trong thuở Đường Ngu, nhân-tài rất thịnh »: chính là điềm lành hội họp đấy. Kinh *Thi* có câu: « Người đời xưa dạy-dỗ không chán, khen kẻ tuấn-sĩ kia »: chính là văn-đức hun-rèn đấy. Vừa nay khí-hóa thuần-hòa, trị-giáo rõ rệt, sánh với giời đất mà dựng đạo cực (ngôi trị-dân), ngang với Ngu Chu mà đều thịnh, sinh nhân tài nhiều, khác với thời trước; được nhân-tài thịnh gấp hẳn đời xưa, có thể tỏ sự thành tựu của giáo hóa và nêu điềm tốt của nước nhà.

« Người học trò được khắc tên vào phiến-đá này, rất may mắn thay! phải mong làm điều trung nghĩa: danh và thực phải giống nhau, việc làm theo sự học, để thành công-nghiệp lớn lao rực-rỡ, khiến cho thiên hạ đời sau, mong theo tiếng tốt, hâm mộ đức hay, ngõ hầu trên không phụ lòng nhân của triều-đình đã hết lòng nuôi dạy, dưới không phụ cái công uẩn súc của mình khi bình sinh, thì cái phiến đá này khắc ra, lâu lâu không nát. Nếu chỉ khoe văn-

(*Xem tiếp trang 21*)

VĂN HÓA VẬT-CHẤT

Số 1

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

MẤY kỳ trước (*Tri-tân*, số 98-104) tôi đã dịch một bài về văn-hoá Đông-dương, nay tôi lại lấy sách tây, như sách George Montandon (*L'ologénèse culturelle, traité d'ethnologie cyclo-culturelle et d'ergologie systématique*), sách J. Deniker, (*Les races et les peuples de la terre*), dịch những đoạn chép về văn-hoá các nước và các dân-tộ khác, nhưng chỉ chép về vật-chất, như chỗ ở, cách ăn-mặc, đồ võ-bị, chứ không chép về sự tiến-bộ trong pháp-luật, học-thuật, điển-chương.

Loài người lúc đầu chỉ biết săn chim muông, mò cá tép, về sau qua một thời kỳ mới biết cầy-cấy chăn nuôi; lúc đầu chỉ biết ở trong hang đá, sau mới biết làm lều làm túp, dần dần thành nhà cửa; lúc đầu chỉ biết lấy lá cây hay da muông-thú để che thân, sau mới biết đan cỏ, rồi dần dần biết dệt vải may quần áo: nói tóm lại, từ chỗ đơn-giản đến chỗ phức tạp, qua biết mấy nghìn năm, trải bao nhiêu thế-đại, hoặc nhân việc sinh ra, hoặc trông người trông vật bắt chước, đều vì trình-độ thấp hay cao. Sau làm ruộng muốn được nhiều lúa, đánh cá muốn được nhiều cá, nhà cửa muốn cho phong-quang, áo quần muốn cho tốt đẹp, thì phải thêm một tầng nhân công nữa: thế là văn-hoá đã mở mang mà gọi là tiến hoá.

Bác-sĩ Carrel, tác giả cuốn *L'homme, cet inconnu*, có nói cuộc tiến-hoá của loài người trong hai trăm thế-kỷ vừa rồi (ức đã hai vạn năm nay) có thể rút ngắn lại trong mười-lăm cái đề-mục như sau: hang đá, — vẽ hay hạm vào tường, — nền sàn, — nhà cửa, — phố tượng, — đền miếu, — rạp hát, — cung điện, — giáo-đường, — bệnh-viện, — trại lính, — công-chính, — trường đại-học, — phòng thí-nghiệm, — xưởng chế-tạo.

Trong bài này tôi không nói riêng về tiến-hoá, tôi chỉ theo sách tây chép về nhân chủng và y-phục, khí dụng,... của các chủng-tộc. Người ta thường chia ra làm ba bốn giống: giống trắng, giống vàng, giống đen, giống đỏ; nhưng ngày nay phần nhiều các nhà chuyên-khảo về nhân-chủng, không xét riêng về màu da, mà xét cả đến dáng vóc, tức là bề cao, đốt xương, hình sọ, v. v. Có người nói phải xét cả các đặc-tính về sinh-lý, bệnh-lý, tâm-lý, nhưng xem ra khó lắm, nhất là về tâm-lý, bảo dân này có tật nọ tật kia (ví như tính hay nói dối), thì lấy gì làm bằng cứ mà đồ cho cả một dân tộc như thế: cứ bình-tình mà xét, thì phần nhiều các nết xấu đều do hoàn-cảnh mà sinh ra, chứ không phải tại nòi-giống.

***

Trước hết tôi nói về giống người chim-chích (pygmées), là giống người lùn da đen: ở Phi-châu chữ Pháp gọi là Négrilles, ở Á-châu gọi là Négritos.

Bọn Negritos gồm người Andamans hoặc Minkopis, người Semang ở bán-đảo Mã-lai, người Aëta ở Phi-luật-tân. Những người này thuộc về một giống riêng, người nhỏ ra đen, tóc quăn hoặc xoăn. Người Anpamans cao đến 1 th-49 (thước tây) là cùng, chỏm đầu rất ngắn (sous-brachycéphales), thật là những người ở bậc cuối cùng thang văn-minh. Nhà ở chỉ có một mái và bốn cọc; đi săn dùng một thứ cung riêng, đường cung tròn. Nhiều giống người ở rừng, núi Đông-dương cũng tương-tự như thế.

Người Semang ở núi tỉnh Perak, tỉnh Kedah: dân Mã-lai gọi là Sakaï, có ý khinh-bỉ. Ở tỉnh Patani và Kelantan (bên Xiêm) thì gọi là Pangan.

Giống chim-chích ở Phi-châu (tức Négrilles) thì ở từ biển-hồ đến tận Cameroun và Gabon, chia ra làm ba bọn: đông, tây và trung-ương đặt tên là Akka, O Bongo, Batua, Bantu, v.v.

Dân gần giống dân chim chích (pygmoides) thì ở rải-rác từ Nouvelle-Guinée đến Nouvelles-Hébrides.

Tất cả bấy nhiêu giống chưa biết cầy-cấy, chỉ đi hái quả trên rừng để ăn. Có giống đã biết đi săn hoặc đi câu. Thường chỗ biên-giới hay đầu rừng, đặt một cái chợ, để bọn này đi săn được những thứ gì, ăn không hết, đem để ở góc chợ ấy, cho bọn có hoa-quả lấy về dùng, như không họp chợ, không mặc-cả cho nên đặt tên là « chợ câm ».

(Xem tiếp trang 2)

Danh-nhân nhà Trần

Từ TRẦN-BÌNH-TRỌNG đến TRẦN KHÁT-CHÂN và TRẦN CÔNG-HẠNG

NHẬT-NHAM

TRẦN Bình-Trọng là dòng-dõi Lê-đại-Hành Hoàng-Đế. Từ đời vua Trần Thái-Tôn (1225-1258), tổ phụ Bình-Trọng đã được theo quốc-tính (1).

Từ khi vua Cao-Tôn nhà Lý thất chính, vua Trần-Thái-Tôn lên ngôi, trong nước giặc dã nổi lên như ong.

Đế-thúc là Trung Vũ-vương Trần thủ-Độ sau khi đã thu-xếp xong việc cướp ngôi nhà Lý, bèn đem quân đi dẹp. Ở Quốc-oai thì có giặc mường; ở Hồng-châu, có Đoàn-Thượng tự xưng làm vua chiếm giữ đất Đường-hào; ở Bắc-giang, có Nguyễn-Nộn độc-lập xưng vương ở làng Phù-đổng.

Bình xong giặc mường ở Quốc-oai, Trần-Thủ-Độ kéo quân về đánh Đoàn-Thượng và Nguyễn-Nộn. Trần-Thủ-Độ đánh không lợi, bèn chia đất, phong vương cho hai người để giảng-hòa.

Năm Mậu-tí (1228), Nguyễn-Nộn đem quân đánh Đoàn-Thượng, chiếm giữ đất Đường-hào, thanh-thế lừng lẫy. Trần-Thủ-Độ rất lấy làm lo ngại, bèn sai Trần-Bình-Trọng đem quân đi tiễu. Được mấy tháng, Nguyễn-Nộn chết. Giang-sơn Việt-Nam từ đó thống-nhất.

Trần-Bình-Trọng có công bèn được phong là Khuông-quốc Thượng-tướng-quân Hưng-vị-Hầu.

Năm Đinh-tị (1257), quân Nguyên sang xâm-lấn nước ta, vua Thái-Tôn sai Trần-Quốc-Tuấn đem binh chống-cự.

Trần-Quốc-Tuấn ít quân, đánh không nổi, nên quân Mông-cổ thẳng đường kéo xuống Thăng-long.

Được ít lâu, quân Mông-cổ vì không hợp thủy thổ, sinh ra bệnh-tật, hay mỏi mệt. Thái-Tôn bèn tiến binh đánh ở Đông-bộ-đầu (phía đông sông Nhị-hà) Quân Mông-cổ thua chạy về đến trại Qui-hóa lại bị Trần-Bình-Trọng cùng trại-chủ là Hà-Bổng chiêu-tập man-nhân ra đón đánh. Quân Mông-cổ thua to, rút về Vân-nam, đi đường vất vả, sức cùng, lực kiệt, không thiết gì đến sự cướp phá nữa, cho nên thời gọi là « giặc Phật ».

Sau khi đại-phá được quân Mông-cổ, Trần-Bình-Trọng cùng Hòa-Bổng đều được phong Hầu-tước.

Niên-hiệu Thiệu-long thứ hai (1259), vua Trần-Thánh-Tôn phong Trần-Bình-Trọng làm Bảo-nghĩa-vương.

Chẳng bao lâu, Nguyên-chủ sai con là Thoát-Hoan làm Trấn-Nam-vương cùng với bọn Toa Đô, Ô-Mã-Nhi dẫn 50 vạn quân, giả tiếng mượn đường đi qua nước Nam sang đánh Chiêm-Thành.

Tháng 10, năm Quý-mùi (1283), Nhân-Tôn phong Hưng-đạo-vương Trần-quốc-Tuấn làm tiết-chế thống-lĩnh mọi quân để chống-giữ với quân nhà Nguyên.

Trần-Quốc-Tuấn truyền hịch cho các vương-hầu, hội hết quân-sĩ tại bến Đông-bộ-đầu để điểm-duyệt, rồi sai Trần-Bình-Trọng làm tiên-phong đem quân đóng đồn trên sông Bình-than, Trần-Khánh-Dư đem quân giữ mặt Vân-đồn (Quảng-yên), Yết-Kiêu, Dã-Tượng đem Chiến-thuyền xuống đóng ở Lục-đầu-giang quá Vĩnh-lại, liên-lạc hai huyện Nông, Kỳ, làm thanh-viện. Còn các tướng thì chia ra đóng các nơi hiểm-yếu. Trần-Quốc-Tuấn tự dẫn đại-quân đóng ở Vạn-kiếp (Hải-dương) để tiếp-ứng các nơi.

Ở Bồng-châu (thuộc huyện Kim-động, Hưng-yên), Trần-Bình-Trọng được tin quân nhà Nguyên đã đến bãi Đà-mạc (ở khúc sông Thiên-mạc, thuộc phủ Khoái-châu, Hưng-yên), bèn đem binh tới đánh. Quân Nguyên thấy Bình-Trọng binh ít, liền xuất toàn lực ra cự địch. Hai bên đại chiến trên bãi Đà-mạc (ngày nay là Mạn-trù-châu thuộc Khoái-châu, Hưng-yên). Chẳng may, Bình-Trọng bị bắt! Quân Nguyên đưa Bình-Trọng về nộp Thoát-Hoan. Thoát-Hoan vẫn biết tiếng Bình-Trọng là một tay kiện-tướng, muốn dụ về hàng, thết đãi rất tử-tế, nhưng Bình-Trọng không ăn, mà cũng không uống. Họ dỗ-dành hỏi dò việc nước, Bình-Trọng cũng không thèm trả nhời. Sau cùng Thoát-

Hoan hỏi rằng: « Có muốn làm vương đất Bắc không? » Bình-Trọng quát lên rằng: « Tao thà làm quỷ nước Nam, chứ không thèm làm vương đất Bắc. Tao không may đã bị bắt thì chỉ có một chết mà thôi, can gì phải hỏi lôi thôi nữa! »

Thoát-Hoan thấy dụ không được, sai quân đem chém.

Thánh-Tôn Thượng-hoàng cùng Nhân-Tôn và Hưng-Đạo-vương nghe tin Trần-Bình-Trọng tử-tiết, đều động lòng thương xót.

Tháng tư năm Kỷ-sửu (1289), niên-hiệu Trùng-hưng thứ năm, sau khi đã bình được quân Nguyên, mới định công, phạt tội. Bao nhiêu những vương-hầu đi đánh giặc Nguyên có công đều được thăng-trật. Nhân-Tôn sắc phong Trần-Bình-Trọng làm Bảo-nghĩa thôi-trung-trí-lực định-thắng uy-vũ Đại-vương và bắt xã Mạn-trù-châu (phủ Khoái-châu, Hưng-yên) dựng đền phụng-sự.

Năm thứ 4 niên-hiệu Hưng-long (1296), Anh-Tôn phong con Bình-Trọng là Bình-Nguyên làm An-phủ-sứ lộ Kiến-xương, đóng trị-sở tại Châu-định, và Thịnh-quang. Bình-Nguyên cai-trị nhân-dân rất khoan-hòa, một lộ Kiến-xương được hưởng thái-bình thịnh-trị.

Đến khi Bình-Nguyên mất, dân trong lộ dâng biểu yêu-cầu cho con Bình-Nguyên là Thừa-Gia được thay làm chức An-phủ-sứ. Nhưng vua Minh-Tôn không cho. Thừa-Gia học rộng, tài cao, thi đỗ Thái-học-sinh. Gặp thời Giụ-Tôn làm vua, việc chính-trị trễ nải, kẻ gian-tà mỗi ngày một đắc-chí. Ông Chu-văn-An, một vị danh-nho thời bấy giờ, đương làm quan tại triều, làm sớ dâng lên xin chém 7 người nịnh thần. Vua không nghe, Chu-văn-An bỏ quan về ẩn ở núi Chí-linh.

Từ đó vua càng rượu chè, cờ bạc, hoang dâm vô độ, chính sự đổi bại, dân-tình khổ sở, giặc cướp nổi lên như ong.

Thừa-Gia tuy đã đỗ Thái-học sinh, nhưng gặp thời loạn-lạc như thế, nên không ra làm quan, sống một cuộc đời ẩn dật phiêu-dật.

Thừa-Gia mất, con là Thừa-Giụ học-nghiệp thuần-chính, được thời tôn là Thiệu-Trai tiên-sinh, không chịu ra làm quan.

Sau khi Thừa-Giụ mất rồi, con là Phúc-Xuân di-cư sang xã Nhuế-dương thuộc huyện Kim-động (Hưng-yên), làm lương-y chữa thuốc.

Phúc-Xuân sinh được ba con trai là Thừa-Tiện, Hữu-Độ, Hữu-Lập. Thừa-Tiện và Hữu-Độ mất sớm. Phúc-Xuân thương-vót vô cùng, thấy ngày ưu-muộn, bỏ cả y-nghiệp, chỉ nồng rượu tiêu sầu.

Chẳng bao lâu, Phúc-Xuân mất. Con là Hữu-Lập lại theo y-sự thụ-nghiệp. Được hơn một năm, nghề thuốc tinh thông, đem ra độ dân cứu thế. Những kẻ cô-bần đều được thụ dưỡng trong nhà; những người nghèo khổ bệnh tật, đều được phát thuốc cứu chữa không lấy tiền. Vì vậy, một huyện Kim-động đều tôn làm hiền-sư.

Một người bạn của Hữu-Lập là Nguyễn-Hoa thấy hành-vi nhân-hậu của Hữu-Lập đã tưng thốt ra câu: « Hữu-Lập giỏi cây đức như thế, thế nào con cháu chẳng được hưởng quả ngon? »

Hữu-Lập mất, con là Vĩ-Nhân lại nối nghề chả, và lấy con gái huyện Kim-động là Đặng-thị-Thục làm vợ. Đến tháng chạp năm đầu niên-hiệu Thiệu-Khánh (1370), sinh ra Khải-Chân tại Kim-động (2).

Tháng hai niên-hiệu Thiệu-Khánh thứ ba (1372), sinh ra Công-Hạng tại xã Nhuế-dương.

Vợ chồng đền mừng thầm là nhà ba đời làm thuốc cứu dân độ thế, tu nhân tích đức, nên Trời đền công, cho sinh hai trai dĩnh đi. Giáo-hối rất nghiêm việc học của hai con tiến-tới nhanh-chóng.

(Còn nữa)

NHẬT-NHAM

(1) Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 5, tờ 47 a

(2) Đây theo Tiện-tinh, xã Hoàng-mai (Hà-nội), cho nên chép Khải-Chân sinh ở Kim-động. Nhưng theo *lời chú* ở Khâm-Định Việt-sử, quyển 11, tờ 10 a thì Khải-Chân là người Vĩnh-ninh, Thanh-hóa.

Sắp có bán

QUÊ HƯƠNG

NGUYỄN TUÂN

Gần 500 trang. — Ấn loát công phu. Bản thường 1$50. Bản quí: 20$

Anh-Hoa

69 Rue du Charbon Hanoi

Thực ra tiện để tên

ô. Mai-văn-Phúc

Triết học phương tây

Luận về tư-duy

(pense)

NGUYỄN ĐÌNH THI

NGÀY nay, chúng ta đã quen nghe những chuyện tư tưởng. Cùng với những nhà thi sĩ, chúng ta dễ dàng đề

« tương tư nâng lòng lên chơi vơi »
(Xuân Diệu)

Chúng ta dùng đến trí khôn trong mỗi phút, mỗi giây của đời sống. Người dân cầy ngoài đồng, người thợ máy trong xưởng, người học trò bên giấy bút, không lúc nào không nghĩ ngợi, — hay nói theo các học-giả, không lúc nào không tư-duy —, vì biết rằng trời xanh, lúa vàng, hay chăm chú gò ghép những tấm sắt nặng, hay tìm ý để làm bài đều là tư-duy (penser) cả. Kant (1) có nói: « Tư duy là phê-phán » (Penser c'est juger). Chúng tôi nghĩ tư-duy không những là phê phán mà còn là nhận xét, là biết, là cảm giác, là tưởng tượng, là tất cả những công việc của trí óc chúng ta nữa. Trí óc chúng ta là một thân cây mang hoa: hoa đó là tư-duy. Và trái do hoa đó nảy ra sẽ là hành-động.

Từ xưa đến nay, không biết bao nhiêu văn nhân, thi sĩ đã ca ngợi tư-duy của loài người. Nếu đặt nhân loại bên cầm thú, chúng ta nhận ngay thấy rằng người ta sở dĩ ở trên muôn vật là vì biết nghĩ ngợi. Pascal, một nhà văn Pháp ở thế kỷ thứ mười bảy, vì vậy, đã nói:

« Người ta chỉ là một cây sậy yếu, nhưng là một cây sậy biết nghĩ ».

Cây sậy biết nghĩ đó, khi nghĩ [illegible] chính nó, nhiều phen đã [illegible]ạc nhiên và thấy lòng rưng [illegible]ng cảm động: tư duy vì đâu mà [illegible]? tư duy là gì? ai đã sáng tạo nên cái tư duy hoàn toàn của loài người?

Những câu hỏi đó không thời nào là không có người tìm cách trả lời. Nhưng phần nhiều những câu trả lời đó đều nhầm lẫn cả, nhầm lẫn vì đã quá tự phụ.

Chúng ta đã thấy tư-duy được quý trọng đến độ nào: « Tư-duy đã nâng nhân loại lên trên muôn loài. Vậy tư-duy không thể có trong thân thể các giống súc vật được. Tư-duy cũng không thể có trong vật chất. Tư-duy là của riêng loài người. Tư-duy do một đấng sáng tạo đặt vào óc loài người để giúp loài người lên ngôi vua vũ trụ. Tư-duy là hơi thở do Thượng-đế thổi vào nắm bùn mà ngài đã nặn nên hình Adam (2) v.v. »

Nhưng khoa học ngày nay đã làm giảm lòng tự phụ đó. Tư-duy là gì chúng ta chưa biết được chắc chắn. Nhưng chúng ta chắc chắn rằng tư-duy không phải là một hơi thở thiêng liêng do một miệng siêu phàm thổi vào trí não chúng ta. Tâm lý học bảo ta rằng: tư duy không phải đã sẵn có từ muôn ngàn đời, mà cũng không phải thời nào cũng vậy. Tư-duy là *một cái do loài người dần-dần chiếm được*. Tư-duy biến đổi theo thân thể người ta theo phong thổ, theo từng thời đại, theo cả chế độ chính trị và kinh-tế nữa. Tư duy không phải là một của báu trời cho, tư duy là một kết quả, một mục đích. Và tuy ngày nay khoa-học chưa biết chắc bản chất của tư duy là gì, các nhà thông thái cũng đã tìm thấy những điều kiện đã làm nảy ra tư-duy trong tâm hồn người. Những điều kiện đó không tính cách chi là siêu việt cả, và có thể xếp làm hai loại lớn: một loại thuộc về thân thể người, mà ta gọi là những điều kiện chủ quan, và một loại có liên lạc đến hoàn cảnh bên ngoài mà ta gọi là những điều kiện khách quan.

***

Điều kiện chủ-quan thứ nhất là tính cách rắc rối của bộ thần kinh hệ. Nếu ta đem so sánh thân thể loài người với thân thể các giống sinh-vật, ta thấy rằng bộ thần kinh của chúng ta phát triển hơn cả.

Loài thực-vật không có thần-kinh hệ: những giống cây cối chỉ có những mạch dẫn nhựa, để phân phát nhựa sống đó cho từng bộ-phận. Chưa ai tìm thấy một thứ cây nào có một khối óc hay những giây thần-kinh.

Sang những loài sâu bọ, chúng ta đã thấy hiện ra một thần-kinh hệ đơn sơ: rải rác trong khắp các bộ phận, có những tế-bào (cellules) đặc biệt: như những hòn đảo trên mặt biển, những tế bào ấy không có liên lạc gì với nhau. Nếu đem kính hiển vi soi, ta thấy chúng khác hẳn những tế bào của máu của thịt. Động vào tế bào nào, ta thấy cả nhưng tế-bào bên cạnh cũng động nữa.

Bước lên những giống côn trùng có một đời sống cao hơn, ta thấy những tế-bào thần-kinh không còn rải rác khắp nơi, mà bắt đầu tụ họp thành những đám lớn, những hạt trắng trắng ở giữa các đốt của mình sâu. Những hạt ấy đã liên lạc với nhau nhiều giây thần kinh nhỏ bé nối hạt nọ với hạt kia. Châm vào một hạt nào, ta thấy có một bộ phận gần đó động mạnh. Nhà côn-trùng học Fabre cho chúng ta biết rằng có những giống ong rất khôn ngoan: muốn bắt sâu bọ, và muốn để dành những mồi đó, chúng châm đúng vào những hạt kể trên. Nọc độc thấm vào, con sâu bị châm trở nên tê bại và không cử động được nữa nhưng vẫn không chết. Mồi sống đó là một thức ăn vừa bổ vừa để được rất lâu.

Rời những giống côn trùng để xét đến những loài có sương sống, chúng ta thấy thần-kinh-hệ đã phát triển nhiều lắm, và không những phát triển, mà còn tập trung lại nữa. Những « hạt thần kinh » trở nên những bộ tủy, hay những khối óc nho nhỏ. Những giây thần kinh không còn thưa-thớt như trong mình những giống sâu bọ mà mỗi ngày một nhiều và một rắc rối thêm mãi.

Đến loài người, ta thấy một thần kinh hệ phát triển nhất, tập-trung nhất và rắc-rối nhất. Phát triển nhất trong thần-kinh-hệ đó là khối óc. Nằm trong một chiếc hộp chắc chắn là sọ người, khối óc gồm có hai túi ăn thông vào nhau. Những túi đó bên trong đựng một chất trắng, bên ngoài màu hơi xám. Mặt túi không phẳng phiu mà răn reo vô cùng. Người ta đã nhận ra rằng những đường răn càng nhiều và càng tinh-vi thì trí tuệ càng mở mang, và mẫn-tiệp. Dưới hai túi đó, còn những chiếc cầu, những túi nhỏ, những « hạt thần kinh » vô cùng rắc rối, họp thành một khối lớn do đó nảy ra những giây thần-kinh. Những giây thần-kinh đó lại chia làm nhiều giây nhỏ khác, và cứ như thế mãi. Có cả những giây thần kinh ở bên ngoài thân thể chạy về nữa. Khối óc, nhờ vậy, có liên lạc với khắp các bộ phận của thân thể.

Nhưng khối óc chưa phải là tất cả thần-kinh-hệ của chúng ta: còn bộ tủy sương sống (moelle épinière) và những giây thần-kinh ở dọc sương sống nữa. Bộ tủy đó nằm dài trong những đốt sương sống (vertèbre), suốt từ dưới lưng lên đến cổ và nối liền với óc. « Tủy » như thân cây và « óc » như hoa lá.

Sinh-lý-học ngày nay cho chúng ta biết rằng tủy với óc có những công việc khác nhau. Tủy là nguồn gốc của những cử động vô-ý-thức: giơ tay vào lửa, tự nhiên ta co lại. Một hạt bụi bay vào mắt, tự nhiên ta nhắm lại. Ngửi thấy mùi thức ăn sào nấu thơm-tho, nước miếng ta tự nhiên tràn đầy miệng. Sợ hãi trước một hiện tượng kỳ ảo, da ta tự nhiên nổi gai, tóc ta tự nhiên dựng ngược: những cử động đó, ta không muốn có, và cũng không biết đến nữa: vì vậy ta gọi chúng là vô-ý-thức. Cắt tủy đi, những cử động vô-ý-thức cũng không còn. Không còn tủy thì khi giơ tay vào lửa, ta phải « muốn » co tay trước, rồi sau mới co được tay. Có sợ hãi, khi ấy chúng ta cũng sẽ không còn thấy mặt tái đi, tim đập mạnh, hay tóc dựng đứng, chân tay run rẩy nữa.

Bộ não trái lại là nguồn gốc của những cử-động có ý-thức. Chúng ta sai khiến được tứ chi là nhờ ở bộ não. Chúng ta không sai khiến được tim, dạ dày là vì tim hay dạ dày đều không có giây thần-kinh liên lạc thẳng với bộ não. Cắt bộ não đi, ta có muốn, cũng không làm được gì, nếu khi đó, ta còn có thể « muốn » Nhưng không phải bộ phận nào của khối óc cũng có công việc giống nhau. Người ta đã tìm thấy trong não nhiều phần-tử giữ những phận-sự đặc-biệt. Mất một phần này của não, ta không nói được nữa. Một phần khác của não hư hỏng, ta quên hết những nét chữ, tuy vẫn nói được.

Tóm lại, thần-kinh-hệ là điều kiện thiết-yếu nhất của tư duy ta không nói chắc rằng tư duy là do thần-kinh-hệ « bài tiết » nên cũng như mật với gan, nước miếng với những hạch ở dưới hàm, nhưng ta dám quả-quyết rằng không có thần kinh hệ thì không có tư-duy.

(Còn nữa)

NGUYỄN ĐÌNH THI

(1) Triết nhân Đức ở thế kỷ mười tám.
(2) Theo Kinh-thánh của đạo Gia-tô.

Giá báo

Mỗi số	0$30
1 năm	12 00
6 tháng	6 50
3 tháng	3 50

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin giả tiền trước

Tả-quân
Lê Văn-Duyệt
(1763-1832)

Số 6 NGUYỄN TRIỀU

Vì Tả-quân có những chiến công oanh-liệt, và có tính ngay thẳng, nên một số đông các quan trong Triều ghen ghét và đón theo ý vua dâng sớ bới mốc tội Lê-văn-Duyệt.

Từ lúc Lê-văn-Duyệt còn sống vua Minh-Mạng tuy ngoài mặt có ý kiêng nể, song trong bụng thì cam giận muôn phần, nên sau khi quan quân đã bình xong Ngụy-Khôi thì đức vua liền sai phá hẳn thành Phiên-an đi, xây lại ở chỗ khác và xuống chiếu cho triều-thần truy tội Tả-quân Lê-văn-Duyệt và luôn cả hậu-quân Lê-Chất nữa.

Bấy giờ là năm ất-mùi (1835) Đô-sát-viện cố Phan-bá-Đạt dâng sớ tâu rằng :

Lê-văn-Duyệt trước ở Gia-định dùng bọn nghịch Khôi, nghịch Nhĩ, làm nanh vuốt, lấy quân bắc-thuận và hồi-hương làm ruột ra. Bọn ấy vốn là quân hung ác chứ chẳng phải là loài lương-thiện. Cho nên, Duyệt mất chưa bao lâu, bọn Khôi đã đem quân hồi-hương và bắc-thuận cùng với bọn thủ hạ cũ chiếm thành làm phản. Vả chung lại làm điều hiến-hoặc lòng người để vạ lây đến các tỉnh ở Nam-kỳ mà khó nhọc đến quan quân phải đi trừ tiễu. Tuy năm tỉnh nay đã thu phục, song cũng vì bọn nghịch mà làm cho nhiều người thương vong, cái vạ ấy nói sao cho xiết ! Nay Duyệt đã thác rồi, sự trạng dẫu không thể xét rõ được hơn, nhưng cứ xem như tên con nuôi là Lê-văn-Hán, trước đây đã ra vào trong thành nhiều lần với tên Khôi và đem Bạch xuân-Nguyên làm đuốc để tế tử-đường, thì tâm tích của Duyệt tưởng không cần phải xét cũng đủ rõ. Nếu không bắt tội, e không làm gương được cho đời sau. Vậy xin đoạt hết những quan chức của Duyệt, còn vợ con thì giao về Hình-bộ trả xét cho kỹ để tỏ phép nước ».

Đức Minh-Mạng bèn dụ Nội-các rằng :

Lê-văn-Duyệt xuất thân từ kẻ yêm-hoạn, vốn chỉ là đứa tôi tớ trong nhà. Xẩy gặp thời trung-hưng, rồng mây gặp gỡ, đánh dẹp Tây-Sơn cũng dự có phần công-lao, nên đức Hoàng-khảo ta nghĩ tới nó thừa nhỏ sai khiến trong cung, mới đem lòng tin cậy mà nhiều lần cho nó cầm quyền đại-tướng. Chẳng qua nó chỉ là quân bất lương, mỗi ngày một sinh kiêu căng, mạnh tâm phản nghịch, sinh sự làm càn, ăn nói láo xược. Vì nó còn e Hoàng-khảo ta thánh-minh, cho nên dù có lòng gian chưa dám để lộ. Mà Hoàng-Khảo vốn cũng biết rõ đã lâu, song nghĩ thiên-hạ một khi đã yên, dù nó có bụng nào, cũng chẳng ai còn theo kế thị hoạn đó nữa, và chắc nó cũng không làm gì được. Kể đến khi Trẫm lên ngôi, cựu thần không còn được mấy vì nghĩ lại tuổi nó đã già, cho nên cũng tạm khoan dung để nó biết nghĩ mà chừa đi cho toàn công-danh thì cũng là một việc hay. Song không ngờ quân đó lòng như rắn rết, tính tựa sài lang, càng ngày càng sinh kiêu-căng, dám nói xấu cả Triều-đình trước mặt mọi người mà khoe cái tài của mình. Năm trước, những quân tù phạm ở hai xứ Thanh Nghệ, cũng là những quân hung-ác trộm cướp, hắn đều chiêu dụ ra thú rồi thu-dụng vào làm bộ-hạ để thêm nanh-vuốt. Lê-văn Khôi vốn là quân vô-lại mà dám tiến-cử đến chức Vệ-Uy để làm tâm phúc

Những bọn thổ hào Dương-văn-Nhã cùng Đặng-vĩnh-Ưng thì hắn ngầm ngấm thu dùng mà gây dựng vây cánh. Những kẻ tù phạm ngoài Bắc phát phối vào Nam thì hắn để cho ở trong thành, tha cho làm lính rồi lại dám kén lấy những voi khỏe đem ra đồn thú, vơ vét lấy những thuyền-bè khí-giới trong lục-tỉnh chứa vào thành Phiên-an và dám đắp thành ấy bằng kinh thành mà hào lũy thì lại đào sâu hơn. Nếu muốn nói thành cao hào sâu là để đề phòng quân Xiêm thì đường bể đã đề-phòng ở Hà-tiên, đường bộ phải phòng ở Chân-lạp, chứ lẽ nào bỏ chống bốn tỉnh An, Hà, Long, Tường không giữ mà lại chỉ giữ ở Phiên-an ! Như thế rõ ràng là chỉ phòng với Triều-đình, chớ chẳng phải là phòng sự ngoại xâm vậy. Cứ suy đó thì tuột-gan hắn, người qua đường cũng có thể biết được, ai không căm tức ? Chỉ giận vì không ai chịu nói rõ cho Triều-đình biết sớm mà thôi ! Đến nỗi để tới ngày nay như người ta nuôi cái « giọt bọc » nên đau, cho cái mầm vạ mỗi ngày một lớn khiến kẻ quyền-yêm kia dẫu chịu tội minh-trư mà bọn nhỏ nhặt kia còn dám giữ thành làm phản. Vì dù quan cai-trị không hèn đốt như Nguyễn-văn-Quế, tham tàn như Bạch-xuân-Nguyên thì rồi đây chúng nó cũng có ngày làm phản chớ không tránh khỏi được. Vì bọn thủ-hạ hắn toàn là những quân hung-đồ vẫn quen làm những sự bất-lương. Thậm chí hắn lại còn dám nói với người ta rằng hắn mở trấn Gia-định bốn là phong vương để giữ lấy đất chỗ không phải như cáo-tổng trấn tầm thường khác. Mờ mả của cha và em hắn cũng dám tiếm gọi là « lăng » ; đối với người ta, hắn lại dám tự xưng là « cô » để cho những kẻ thủ-hạ tập quen thành thói : chỉ biết có Lê-văn-Duyệt mà không biết có Triều-đình ! Thay Hữu-tử đã có nói : « Không ưa phạm người trên mà ưa làm loạn, chưa có lẽ ấy bao giờ. Vậy thì ưa phạm người trên mà không ưa làm loạn, cũng chưa có lẽ thế bao giờ. Cái mối vạ này gây nên đã lâu, lẽ nào lại không muốn cho bọn thủ-hạ nó làm loạn được ? Thế cho nên hắn chết chưa được bao lâu, bọn Lê-văn Khôi đã khởi loạn, cháu hắn cũng đồng tình làm phản mà kết thành đảng, cậy có thành cao hào sâu, lương thực như núi, khí-giới tinh nhuệ, đồ-đảng nhiều mà kháng cự lại quân Triều-đình trong 3 năm trường. Nhiều lần đã mở đường sống cho chúng nó, chúng nó vẫn chưa biết hối hận tội lỗi mà nộp thành để đến nỗi binh dân gan óc đầy đường, nói thêm đau xót ! Xét đến nguồn gốc thì tội hắn kể từng cái tóc cũng không xuể được.

« Nay hãy đem những công việc của hắn đã làm rõ ràng ở tai mắt người ta để gây nên họa loạn như vậy mà hiểu thị cho ai nấy đều biết. Còn tội Lê-văn Duyệt và con cháu hắn nên xử thế nào thì giao cho Đình Thần nghị xử ! » *(Còn nữa)*

NGUYỄN TRIỆU

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p·00 một vé

Sách của

Nhật - Nham TRỊNH - NHƯ - TẤU

a) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học Đường Đông Pháp

1) Trịnh-gia Chính Phả. — *Giá cũ 0$40*
2) Gương Luân-Lý (hết)
3) Hưng yên địa chí (hết)
4) Bắc giang địa chí dày 284 trang, có bản đồ phụ đính Giá cũ 1$50
b) Vị tiền. (Xã hội Tiểu thuyết) — *0$25*
Hoa xưa ong cũ. (Hài-kịch) — *0$30*
Từ Hanoi đến Hồ Bạch Bố (du-ký) — *2$00*

Có bán tại các hiệu sách năm xứ và tại địa-chỉ tác-giả :

Nhật-nham Trịnh như-Tấu

Tham-tá phủ Thống Sứ Bắc-kỳ Hanoi hay biên-tập báo Tri Tân
95 97 Rue Chanceaulme

Hanoi

Đề bàn với ông Vũ Ngọc-Phan về một

Phương-pháp phê-bình văn-học

KHIẾT-PHỦ

TRONG báo *Tiểu Thuyết Thứ Bảy* số 471 xuất-bản ngày 24 Juillet 1943, ông Vũ ngọc-Phan có « đáp lại » bài tôi phê-bình quyển « *Nhà văn hiện-đại* » của ông (1).

Đọc bài của ông xong tôi có cảm-tưởng như ông có cái sức tự-tin rất mạnh, ông quá tin ở ý tưởng, ở phương-pháp của ông, thành ra khi có ai chỉ-trích những ý-tưởng, những phương-pháp của ông, ông không xét lại xem người ta chỉ-trích thế có đúng không, ông tin chắc chắn rằng những « cái của ông » đúng, ông chỉ việc tìm những lẽ để cãi lại, thế thôi.

Trong nhiều đoạn ông có vẻ không được thành thực lắm, ông xoay câu chuyện ra một chiều khác để tiện việc giả lời tôi, và để tỏ cho độc-giả biết rằng tất cả những điều tôi nói trong bài phê bình của tôi đều sai, ông có thể giả-lời được tất cả

Để chứng minh đoạn trên này tôi nhắc lại đây câu chuyện con gà mái con, của nhà thơ Nguyễn van-Ngọc :

« Một con gà mái con
« Chẳng nghe lời mẹ *bay*
« Xa chuồng đi hóng mát
« Nghĩ mình sung sướng thay »

Tôi hiểu rằng : một con gà mái con, chẳng nghe lời mẹ, bay xa chuồng.. Ông Vũ ngọc-Phan lấy làm lạ rằng con gà thì bay làm sao được, nó không thể như con chim « xé-dịch trong không trung...» vì ông nghĩ thế nên ông hiểu « *mẹ bay* » đây là *mẹ nó*...»

Để cùng Vũ-quân tìm sự thật, tôi chỉ cần đặt hai câu hỏi :

— con gà mái con có thể *bay* được không ?

— *mẹ bay* có thể là *mẹ nó* được không ?

Giả lời được hai câu đó tức đã tìm được cái nghĩa mà ông Nguyễn văn-Ngọc định gửi vào mấy câu thơ trên này.

Chắc ai cũng đã có dịp trông thấy con gà *bay* : một con chó nhảy vào chuồng gà làm gà *bay tán loạn* ; vẫn biết gà không bay được như chim nhưng nó cũng làm cái việc *bay* từ ở chuồng ra khỏi chuồng...

Còn *mẹ bay* hiểu là *mẹ nó* thì chắc không ai — thứ nhất những người trong Trung-kỳ và Nam-kỳ — có thể công nhận được.

Bay tức là *mày* : Bay làm sẳng nghĩa là chúng mày làm sẳng, tiếng *bay* là một đại danh từ đứng ngôi thứ hai (2e personne) có đúng cái nghĩa *toi, tu, vous, vos, votre*...,của tiếng pháp,bạn đọc hãy tưởng tượng có thể có một nhà văn nào đem những tiếng *toi, tu, vous*, vos, votre..., ấy để dùng làm những đại danh-từ đứng ngôi thứ ba, có nghĩa *il, ils*, leur, leurs... không.

Nếu không, ta phải hiểu *bay* đây là xê-dịch trong không gian, (dù là trong một khoảng ngắn).

Tôi bàn với Vũ-quân nên « *hiểu như thế để đừng đem nhiều lỗi về cho mấy câu thơ của một nhà văn đã quá cố* ».

Tôi tưởng tôi viết thế đã minh bạch rồi, Vũ-quân lại cho câu của tôi một nghĩa khác : Vũ-quân cho tôi muốn rằng vì mấy câu thơ là của một người đã quá cố đừng nên đem ra mà chỉ trích nữa.

« Tôi không hiểu tại sao khi viết về ông Nguyễn văn-Ngọc, ông Khiết-Phủ lại nói đến nhà văn đã quá cố, với nhà văn chưa quá cố. Ông nói thế là ông theo tình cảm còn tôi, tôi cho là đã phê bình thì không nên phân biệt sống hay chết thần hay sơ...

« Nếu ông Khiết-Phủ biết cái tình thân thuộc của tôi đối với các ông Trần trọng-Kim, Bùi-Kỷ, Lê Dư, Phan-Khôi, có lẽ ông Khiết Phủ sẽ còn lấy làm lạ nữa. Một khi nhà văn đã cho quyển sách ra đời một khi quyển văn đã vào tay tất cả mọi người, thì về đường tinh thần nó thuộc vào tài sản văn học của cả nước, ai ai cũng có quyền nói đến, miễn là cho chính đáng và công-bình...» (T.T.T.B. trang 15 và 30).

Sự thực tôi chỉ *ước ao* Vũ-quân đừng hiểu chữ *bay* là *nó* vì hiểu như thế đem nhiều lỗi về cho một nhà văn, *thứ nhất là nhà văn ấy đã quá-cố*, ngày nay nhà văn ấy không thể tự mình che-chở cho cái sự nghiệp tinh thần của mình.

Tôi thiết tưởng nếu có một điều thiêng-liêng nhất thuộc phạm vi lương tâm của người cầm cái

bút, điều ấy phải là đừng đợi lúc mà một nhà văn đã qua đời để đổ cho nhà văn ấy lỗi này lỗi khác, cả những lỗi mà nhà văn ấy không có, tin chắc rằng nhà văn xấu số kia không còn ngồi dậy cầm bút để cãi lại mình được.

Vâng, tôi đã « nói theo tình cảm », tôi vẫn chủ-trương rằng nhà văn khi làm văn cần phải có tình cảm thứ nhất là khi tình cảm ấy giúp mình công bình hơn đối với một nhà văn đã qua đời.

Dù sao tôi cũng mong tác-giả *Nhà văn hiện đại* đừng cho tôi có ý phản đối việc nhà phê-bình đem văn phẩm của một nhà văn đã quá vãng ra mà phê-bình; hiểu như vậy tức là cho tôi không biết gì về thể phê-bình.

***

Tôi nhận thấy rằng, ông Vũ ngọc-Phan và tôi, tuy hai người cùng theo một thể văn, phê bình, nhưng ông và tôi mỗi người có một phương-pháp phê bình, hai phương-pháp ấy có thể nói là tương-phản được.

Phê-bình một văn-nghiệp, ông đem hầu hết những tác-phẩm của nhà văn ra khen chỗ này hay chê chỗ kia dở, chữ này dùng sai, chữ kia thừa, khen chê để định giá-trị của từng tác phẩm.

Giá ông cứ phê-bình thế, tôi chỉ coi những bài phê bình của ông như những bài phê-bình tỉ mỉ của nhiều nhà phê bình rồi rãi khác, và tôi đã chẳng có bài phê-bình lại làm gì; đằng này ông bày tỏ rõ phương-pháp của ông trên đầu sách, ông cho là ông không phải :

— xét tác phẩm của nhà văn qua thân thế của nhà văn;

— tìm cho ra những tôn chỉ và lý thuyết về văn học của mỗi nhà;

— nghị luận cho có sự liên lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra *phong trào văn-học một thời* mà kết luận thật tường tận.

Vì ông bày tỏ phương-pháp ấy ra nên tôi mới công kích chỗ này Vũ-quân đã hiểu lầm tôi, ông nói ông đã chép ở đầu sách rằng chủ ý ông không xét tác phẩm qua... mà sao tôi còn hỏi..., tôi không công kích ông quên không làm mà tội công kích sao ông lại chủ ý không làm).

Theo thiên ý — mà có lẽ theo ý của nhiều nhà phê-bình đương thời của Pháp ngày nay — thì nhà phê-bình nên, nếu cần, xét tác phẩm qua thân-thế của nhà văn. Nếu bây giờ, hay ngay thời Nguyễn Du cũng vậy, phê-bình truyện Kiều mà không xét đến thân thế Nguyễn Du, đến cái tâm sự Nguyễn Du thì sao cho đầy đủ; đây chỉ là một trong trăm nghìn thí-dụ khác (2).

Việc tìm cho ra những tôn-chỉ và lý thuyết về văn-học của mỗi nhà văn cũng không nên bỏ qua. Đây tôi xin nhắc lại việc phê bình những tác phẩm của ông Trần trọng-Kim. Làm việc ấy Vũ-quân chỉ đem những chỗ sai-lầm, ra đính chính, đem một vài điểm đặc sắc ra khen; tôi ước ao đọc Vũ-quân không phải chỉ được biết những điều tỉ mỉ ấy mà còn được biết: ông Trần trọng Kim soạn *Nho giáo, Việt-nam sử lược, Việt-nam văn phạm* là cốt bảo tồn lấy « cái hương hỏa tinh thần » của mình; sự liên-lạc giữa những tác phẩm của ông Trần là thế.

Vũ-quân cho rằng những sách của ông Trần là những sách biên khảo « *lẽ tự-nhiên là ông Trần không phải sáng tạo ra một lý-thuyết gì cả* » (T. T. T. B. trang 15), nhà phê-bình chỉ cần xem ông biên khảo có đúng hay không, thế thôi. Còn việc « chứng tỏ cái mục đích quốc-gia » của Trần-quân là việc thừa vì « *có thể nói : phần đông các nhà văn — mà nước nào cũng vậy đều có cái mục đích ấy. Ở nước Việt-nam ta những nhà văn như Lê qui Đôn, Ngô sĩ Liên, Phan huy Chú, và gần đây Nguyễn trọng-Thuật, Nguyễn văn Ngọc, Lê Dư cho đến cả những nhà văn trẻ nhất, đều có « cái mục đích quốc-gia » ấy.* » (T. T. T. B. trang 15).

Tôi không đồng ý với Vũ quân vì tôi nhận thấy rằng rất nhiều nhà văn, nhất là những nhà văn trẻ tuổi bây giờ, không những không có cái « mục đích quốc gia ấy », văn-phẩm của họ chẳng nhưng không gây thêm cái tinh thần quốc gia, mà có khi còn phá hoại quốc gia nữa. Một nhà văn kia cầm bút là không biết gì đến gia-đình, đến tổ quốc, mà chỉ nghĩ đến việc đi cho sướng thân, việc ngắm cái mớ tóc người đàn bà cho thỏa trí, thế mà nhà văn ấy còn dương-dương tự đắc, cho mình có một cái đạo sống, đạo sống ấy cần phải truyền trong đám thanh niên.

Hỏi nhà văn ấy gây dựng gì cho quốc gia hay chỉ phá quốc gia mà thôi ?

Vũ-quân cho rằng phê-bình một quyển sách thuộc loại biên khảo chỉ cần xét xem tác giả biên khảo có đúng không, không cần phải hỏi xem mục đích của tác giả thế nào. Sao lại thế ! Sao ông

(Xem tiếp trang 20)

Lục Vân-Tiên dẫn giải

(Tiếp theo trang 7)

Âu là kiếm chốn lân gia
Trước là tầm bạn sau là nghỉ chân.

Đinh xuân-Hội chép « thăm bạn » chẳng hóa ra Vân Tiên có bạn rồi, nên mới đi tham.

(5) Nguyệt Nga thấy « *đưa trâm chàng* (Vân Tiên) *đã làm ngơ* » nên nói : « *Thiếp xin dưng một bài thơ mựa từ* » *Mựa từ* là : xin chớ nên kiếm lời từ chối.

(6) Nguyệt Nga bảo. « *Xin dừng tham đó bỏ đăng, chơi lê quên lựu, chơi trăng quên đèn* ». Thế nên Vân Tiên mới đáp : « *chớ nghi Ngô, Khởi, hãy lo Mãi Thần* »

Câu ấy có nghĩa : Xin nàng chớ sợ ta như Ngô Khởi sát thê cầu tướng (đời Chiến quốc, tướng Ngô Khởi chặt đầu vợ cho được lòng tướng sĩ), hãy lo cho nàng biết đâu chẳng là vợ Chu-mãi-Thần. Vợ Chu-mãi-Thần ngày trước phụ rẫy chồng. Vân Tiên dùng lời ấy để trách khéo Nguyệt Nga.

(7) Ngâu là một thứ cây thơm để ướp thuốc.

II Những đoạn chép thiếu

TRANG	GIÒNG	CHÉP THIẾU	CHÉP THÊM
18	7-8	Có người ở quận Đông Thành Tu nhân tích đức sớm sinh con hiền	Có người ở quận Đông Thành *Lục ông chữ đặt phỉ tình yến anh* *Vợ chồng ăn ở hiền lành* Tu nhân tích đức sớm sanh con hiền
33	166-167	Để cho tiện thiếp lạy rồi sẽ phân Hà khê qua đó cũng gần	Để cho tiện thiếp lậy rồi sẽ phân Liễu bồ thiếu chút, bị nhơ Họa kia đặng khỏi phước nhờ ân nhân Hà khê qua đó cũng gần
71	536-537	Chẳng bằng thong thả mặc khi vui vầy Quán rằng : « Đó biết ý đây... »	Sao bằng thong thả một khi vui lòng Rừng nho biển thánh minh mông Dễ ai lặn lội cho cùng vậy vay (1) Quán rằng : « Đó biết ý đây... »
123	1224-1228	Vợ người Tiểu-lạt sánh cùng Thế-dân Vũ công mặt mũi sương sần Miệng trơ như đỉa an-tầm phải vôi Thái Loan trong trướng ra ngồi Mỉn chào : « Thầy cử tân khoa mới về... » (2)	Vợ người Tiểu-lạt sánh cùng Thế-dân Hay là học thói nhà Tần Bất-Vi gả vợ Dị-Nhân lấy tầm Khen cho chẳng biết hổ thầm Người ta nào phải thú cầm chi sao ? Võ công sấu hổ xiết bao Làm thinh chẳng cãi lẽ nào cho qua Thái Loan trong trướng bước ra Miệng chào : Thầy cử tân khoa mới về

III *Chú-thích sai*

Ở «lời tựa», Đinh xuân-Hội viết: «... những điển tích dùng trong truyện này hoặc bằng quốc âm hoặc bằng Hán tự thời đều tìm kiếm mà chú thích cho được rõ ràng».

Nhưng ông lại chú thích sai!

Chúng tôi chưa đủ thời giờ để xét qua tất cả lời chú thích của ông. Nhưng lược qua một loạt, chúng tôi cũng nhặt được một vài đoạn ông chú thích sai bét!

Ở trang 74 chú thích hai câu:

Sông sâu cá lội thảnh thơi
Xem hai con mắt đã ngời như châu

Đinh xuân-Hội viết: «câu này và câu trên ý nói những người kiến thức rộng rãi, ví như con cá ở sông sâu thời có hai con mắt sáng ngời như hạt châu».

Chú thích như thế, sai!

Trịnh Hâm chê lão Quán: «*Gối rơm theo phận gối rơm, có đâu dưới thấp lại chồm lên cao*». Lão Quán trả miếng lại ngay: «... *Chớp nhoáng mưa dào, Ếch ngồi đáy giếng thấy bao nhiêu trời, Sông sâu cá lội thảnh thơi, Xem hai con mắt đã ngời như châu*».

Chính lão Quán cho Trịnh Hâm là *kẻ ngu dốt*, lẫn hột châu với mắt cá (*ngư mục hỗn châu*).

Vậy mà ông Đinh xuân Hội chú thích, cho lão Quán bảo Trịnh Hâm là *người kiến thức rộng rãi*.

Ở trang 87, Đinh xuân-Hội chú thích: «Ngân hán tinh vi là tên bản sách thuốc chữa con mắt». Bạn tôi, y sĩ Đỗ văn Có bảo chỉ được đọc có quyển *Ngân hải tinh vi*, là quyển sách thuốc dạy chữa con mắt, chớ không hề thấy bổn nào là bổn Ngân hán tinh vi cả!

> **Thống chế Pétain đã nói:**
>
> *«Trong khắp các giới ta sẽ cố sức tạo thành những phần tử đặc sắc, và ta sẽ giao quyền điều khiển cho họ, chỉ căn-cứ vào tài-năng, chọn kẻ xứng đáng, chẳng kể đến lẽ gì khác»*

Còn *Ngân hán*, theo *Từ nguyên*, là một tên khác của sông Ngân hà (voie lactée)

Ở trang 88, Đinh xuân-Hội chú thích: «Bát-trận kỳ phương là tám phương thuốc lạ để trị bệnh».

Không phải vậy đâu!

Chính cụ Đỗ Chiểu viết: «... Lại thông *Bát trận tân phương*». Vì *Bát trận tân phương* là tên một quyển sách thuốc của Trương cảnh Nhạc. Cụ Đỗ Chiểu đâu có dốt y học mà chẳng biết!

Tại sao gọi là «Bát trận tân phương»?

Trương cảnh Nhạc có một bộ sách thuốc gồm làm hai phần: 1· phần *cổ phương* chép các toa thuốc của cổ nhân; 2· phần *tân phương* chép các toa thuốc mới do ông sáng chế ra.

Quyển *Bát trận tân phương* là một quyển trích lục trong bộ sách quí giá kia. Bát trận tân phương chỉ chép những toa mới của Trương cảnh Nhạc, chớ không có chép các toa thuốc của cổ nhân. (3)

Cũng ở trang 88, Đinh xuân Hội chú thích: «... Ngũ sài là bài thuốc có vị ngũ-bội và sài-hồ».

Không phải vậy đâu.

Thang *ngũ sài* (là thang sài hồ thứ năm) không có vị ngu bội. Nó có vị sài hồ và bốn vị khác là: thược dược, đương quí, phục linh, cam thảo, trần bì. (4)

Kết luận

Một quyển *Lục Vân Tiên dẫn giải* là một quyển sách giáo khoa rất cần trong lúc này.

Nhưng sách giáo khoa thì lại cần một điều kiện rất gắt: sự *hoàn toàn*.

Sao chép thiếu và sai, chú thích không đúng là hai điều rất phương hại đến sự hoàn toàn ấy.

Quyển *Cung Oán dẫn giải* của Đinh xuân Hội đã được nhận làm sách giáo khoa. Lẽ ra khi dẫn giải Lục Vân Tiên, ông nên thận trọng gấp mười quyển trước. Cái này không! ông trọng nhà xuất bản hơn độc giả. Ông sao chép cho mau, chú thích cho vội vàng, để nhà xuất bản ra sách bán cho kịp sau ngày lễ kỷ niệm tác giả *Lục Vân Tiên* ở Saigon và cho kịp trước khi các trường công tư tựu học!

Quyển *Lục Vân Tiên dẫn giải* của Đinh xuân Hội, vì những sự bất thận trọng, vội vàng, cẩu thả của tác giả nó, quyết không thể nhận làm một quyển sách giáo khoa được! Nó phải cam lấy số phận của nó là nằm bẹp ở hàng sách, một lúc rồi quay về nhà xuất bản để ông Đinh xuân Hội sửa chữa lại cho hoàn-toàn

KIỀU THANH-QUẾ

(1) Vậy vậy: chữ cổ, chưa rõ nghĩa.
(2) Đoạn này chép chẳng những thiếu mà còn sai bét cả!
(3), (4) Tài liệu này của y sĩ Đỗ văn-Có

Đã có bán

TRỘNG GIỒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân thế Trần tế Xương)

Một kiệt tác của

TRẦN THANH MẠI

Kỳ tái bản này tác-giả đã dày công sửa chữa.

Sách ngót 299 trang. Giá 1$90

Nhà xuất bản TÂN-VIỆT, 19, LAMBLOT — HANOI

Phương - pháp phê-bình văn-học

(*Tiếp theo trang 17*)

Trần lại không khảo cứu về Thiên-chúa giáo Hồi giáo? Chắc có một lẽ gì. Lẽ ấy nhà phê bình có quyền — và có bổn phận — nói ra...

Phê-bình *Nho giáo* vì muốn bài phê-bình của mình có khoa học, muốn những lời phê bình của mình có chứng cứ, ông Vũ-ngọc-Phan luôn luôn giở hết trang này đến trang khác tìm những chỗ sai lầm trong cách dùng chữ đặt câu. Ông giở *Phụ nữ tân văn*, xem ông Phan Khôi phê-bình những chỗ sai lầm kia thế nào, ông giở quyển *Phê bình nho giáo* của ông Ngô tất Tố xem nhà văn này phê bình những chỗ sai lầm kia thế nào.

Nếu tôi phê bình quyển « *Nho giáo*, sau khi đọc quyển ấy tôi sẽ gấp nó lại, tôi không tìm những điều sai-lầm lỉ mỉ, vì nếu nhặt cho hết những sự sai-lầm ấy, không những tôi phải đọc những sách của ta nói về quyển *Nho giáo* mà tôi lại phải đọc lại những sách của Nho-gia tử ở Trung-hoa. Như thế thì nhiều quá! Tôi sẽ không trích sách, không lấy nhiều thí dụ. Tôi sẽ nói đến những điều tổng-quát.

Ở đây tôi lại không làm vừa lòng Vũ quân. Vì theo Vũ quân thì phê bình như thế vẩn vơ... Tôi không theo lối cứ dặt mỗi lời phê-bình lại trích ra cái thí-dụ, hoặc hoặc nhiều thí-dụ, e làm thế người ta sẽ cho tôi là người tưởng trình độ độc giả của mình thấp kém, cần phải giảng giải thật tỉ-mỉ, thật rõ-ràng. (3)

Trong báo *Thanh-nghị* số 39 có bài phê bình Vũ quân, cũng bất mãn về chỗ Vũ quân hay trích văn làm thí dụ. Tác-giả bài ấy cho rằng phê bình như thế có *vẻ học trò* (4).

Tôi cũng có cái ý nghĩ ấy nhưng không viết ra vì cho là tàn nhẫn quá.

***

Tôi nói phê bình ông Phan-Khôi nên nhận rõ cho ông Phan-Khôi *« là một nhà văn có óc cách mệnh luôn luôn muốn lật đổ nền tư tưởng nền văn-chương cũ »*. Ông Vũ ngọc Phan cho phê bình như thế là sai:

— Ông Phan-Khôi viết 21 bài công kích Khổng-giáo đăng báo *Thần-Chung* năm 1929 là vì ông Phan Khôi muốn « *lập dị* » (T. T. T. B. trang 30) thật ra ông vẫn thiết tha với Khổng giáo.

— Ông Phan Khôi khởi xướng ra lối *thơ mới* nhưng « ông không muốn lật đổ » nền văn chương cũ đâu; chứng-cớ là ông vẫn làm thơ cũ (Chương-dân thi thoại).

Thế ra ông Phan Khôi chỉ là một người có cái óc cũ nhưng muốn lập-dị! Thật là đáng mừng cho văn chương Việt-nam! chỉ vì sự lập dị, sự cao hứng một lúc của một người « muốn làm cho lạ đời, làm cho khác thường » (lời ông V. n. Phan) mà văn chương ta có 21 bài công kích Khổng giáo, mà văn-chương ta thêm được những thể thơ mới mà sự phong phú của nó ngày nay ta chưa lượng được.

Nhưng có phải ông Phan Khôi quả là người lập dị không? Theo thiển ý thì lấy cớ rằng ông Phan Khôi vẫn còn làm thơ cũ, thỉnh thoảng ông vẫn nói đến Khổng giáo « với một giọng rất tôn sùng » để tỏ rằng ông chỉ là một người lập dị thì lầm.

Ông Phan Khôi vẫn muốn lật đổ nền văn chương và nền tư-tưởng cũ, luôn trong trí, ông mơ tưởng một sự cách mệnh, nếu ông vẫn làm thơ cũ vẫn có cái giọng tôn-sùng đạo Khổng chỉ vì ông đã được *nuôi* trên cái nền văn chương cũ và *sống* trong cái bầu không-khí của đạo Khổng; ông làm gì, cái văn chương cũ và cái không khí Khổng giáo cũng vẫn bám lấy ông.

Cái khó của người phê-bình không phải ở chỗ căn-cứ vào tập *Chương dân thi thoại*, và một vài câu có cái giọng rất tôn sùng Khổng-giáo để kết luận rằng ông làm cái mới là vì ông muốn lập dị, cái khó là biết bỏ qua những chứng-cớ hiển nhiên ấy để đi tìm những mơ-tưởng thầm-kín của ông trong trường-hợp này: sự mơ-tưởng lật đổ nền văn-chương và tư-tưởng cũ.

Điều cuối cùng là ông Vũ ngọc-Phan cho rằng ông không phải *« nghị luận cho có sự liên-lạc giữa nhà văn nọ với nhà văn kia để tìm cho ra phong trào văn học một thời...»*

Để giả lời tôi, ông viết: *« Tôi có thể nói rằng tôi đã theo phương-pháp khoa-học và thuyết tiến hóa để viết bộ Nhà văn hiện đại, nghĩa là căn cứ vào sự chân-xác để xem phong trào văn học hiện đại biến đổi và tiến hóa như thế nào »* (T. T. T. B. tr. 14)

Ông đã mâu thuẫn với ông: nếu trước ông nói rằng khi ông phê bình không những ông chê những chữ sai-lầm, mà ông còn để ý đến *phong trào văn học hiện đại*, thì tôi không phải viết gì.

Để kết, tôi xin nhắc lại rằng ông Vũ-ngọc-Phan và tôi mỗi người có một phương-pháp phê bình khác nhau. Nếu cứ bàn đi bàn lại về những điều tỉ-mỉ của phương-pháp ấy, tôi e mất nhiều thì giờ và không lợi mấy cho độc-giả của hai tờ *Tri Tân* và *Tiểu Thuyết Thứ Bảy*. Tôi ước-ao sẽ không phải bàn thêm gì về chỗ tương-phản giữa ông và tôi khi nói đến phương-pháp phê-bình văn học nữa.

KHIẾT PHỦ

1) Đọc Tri Tân số 98 và 99.

2) Tôi khó chủ trương rằng khi nhà văn còn đang sống phải nói đến tiểu sử của nhà văn.

3) Nhà phê bình E. Jaloux trong Hàn lâm viện Pháp, vẫn giữ mục phê bình của báo *Nouvelles littéraires* có câu:

« Họ kể qua loa câu chuyện trong tiểu thuyết và thỉnh thoảng thêm một câu « ở trang 90 có một câu văn viết không đúng mẹo » hay là « ở đoạn kia thiếu một cái dấu phẩy ». Còn những người chịu khó tổng quát phê bình một tác giả, phác ra một cái bóng người ấy hay nói chung về biết thảy tác phẩm của người ấy, thì hãy hiếm — E. Jaloux (l'Esprit des Livres)

4) — Bạn về vấn khảo cứu thì Vũ-quân đem từng quyển sách mới ra phê-bình mà mỗi lần lại trích từng đoạn văn hay hay hỏng, từng chữ đúng hay không đúng. Bàn về thơ thì ông dùng lối « văn nhà trường » trích dẫn ba câu rồi dưới hạ lời phê bình hay tóm tắt lại.

« Vũ-quân thậ dễ viết một lối phê bình hoàn toàn Việt-nam riêng cho hạng người nước ta thường thường bậc trung thích tỉ mỉ soi mói mà không ưa nghĩ xa, nhiều lộng hợp với trình độ văn-chương nước ta... » (Thanh nghị số 39 ra ngày 16 Juin 1943).

Đón coi

(1) Indrapura (Đồng dương)
Du-ký của Dương Kỵ
(2) Hương học của Nhật Nham
(3) « Đêm Lam sơn... »
Kỹ-thuật của Tô-Kiều Phương

Văn-hóa vật-chất

(*Tiếp theo trang 9*)

Cả hoàn cầu, chỉ có dân Andamans là không biết lấy lửa, chỉ biết giữ lửa. Cách thức lấy lửa thì trong bọn chim-chích mỗi chỗ một khác: dân Bochimans và dân Vedda dùng một miếng gỗ vuông có lỗ, hai tay cầm các dùi bằng gỗ, để một đầu vào lỗ rồi xoay mãi cho đến khi nóng bật lửa ra. Ở miền giữa Phi-châu, dân Négrilles cũng dùng một miếng gỗ vuông nhưng xẻ rãnh, cầm dùi gỗ, cứ chỗ rãnh ấy đẩy đi đẩy lại, mãi hóa lửa. Ở Ấn-độ, có dân Paniyan ở tỉnh Malabar, v.v. lấy hai miếng tre sắc cọ vào nhau để lấy lửa. Giống chim-chích ở Australie cũng thế.

Ăn mặc thì chỉ cốt che chỗ kín, chứ không để trần-truồng như một vài giống da đen cao lớn. Người giống chim-chích lại ít trang-điểm. *(Còn nữa)*

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN TỐ

Cải chính

Vì nhà in xếp thiếu, số 105 trang 6 giòng 31 xin đọc là « bộ *Giáo dục Nam-triều* » và trang 7 cột 2 xin đọc là: làm *biên tập viên*.

Tri Tân số 104 bài Lê văn Duyệt trang 16 cột 2, giòng thứ 23 xin đọc cửa *cần-gởi*; cột 3, giòng 23, 24, 25, 26 xin đọc là: «...trình một phong thư bằng tiếng hồng-mao của tổng-đốc Lord Hastings. Cốn sau chỗ « Di-a-đê » thì chưa là « Diard. »

Bia văn miếu...

(*Tiếp theo trang 8*)

chương bên ngoài, mà thiếu đức-hạnh ở trong, kiến-thức hẹp hòi, học-hành sai lạc, hạnh-kiểm hỏng, danh giáo hư, thì chỉ làm phiền đá kia thêm vết vì như bất-trung bất-hiếu thì tên bị đục đi. Chẳng phải cái ý của triều đình mong cho sĩ, quân-tử như thế, cũng chẳng phải sĩ, quân-tử lại tự đãi mình như thế. Đi bé đi học, nhớn ra làm, là cái chí « cùng kinh trí dụng » (đọc nhiều sách được vua dùng) người ta ai ai cũng có, từ nay về sau phàm là người học trò sinh ở đời này, dự vào lối học này, trông lên bia đá này nên để ý đến.

« Kính cẩn chép bia đá này để dạy đời sau. Chức phụng-trực đại-phu, Hàn lâm-viện thừa chỉ, Đông các đại học sĩ, Tu-chính thượng khanh, (thần là) Thân-nhân Trung, vâng mệnh vua soạn bài này. — Chức m u lâm tả lang trung thư giám điển-thư (thần là) Nguyễn-Cẩn phụng thư. — Chức cẩn sự lang kim quang môn đại-chiếu (thần là) Nguyễn nhân Huệ phụng triện.

« Dựng ngày 15 tháng 8 năm Hồng đức thứ 18 (1487). »

(Còn nữa)

Ứng hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

XIN CHÚ Ý

Nhà in, Tỵ Trị-sự và tòa soạn Tri-Tân đều đã gọn cả lên số nhà 95, 97 phố Chanceaulme Hanoi Các bạn cần hỏi gì xin biện thư cho:

Ô. NG. - UONG-PHUONG
chủ-nhiệm tạp-chí và giám đốc nhà in Tri-Tân

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 20

NGUYỄN HUY TƯỞNG

Không muốn phụ lòng sốt-sắng của bọn thủ hạ, Mại truyền:

— Phạm Kinh Đặng Phan và tám người rửa sắp ngựa theo ta.

Mười một kỵ mã phóng như bay trên con đường lên chùa Trấn quốc. Nguyễn Mại đi đầu. Gần tới chùa, xuống ngựa để một người giữ rồi, ngang nhiên đi bộ vào trại cậu Trời, mặc dù thấy một cái biển lớn có dấu của Trịnh phủ cấm người đi lại. Mại nói một mình:

— Xin chúa thượng hiểu cho hạ-thần. Hạ-thần lấy cái chết để đền ơn nước.

Bọn gia nhân của Đặng Lân xông ra như một đàn hổ đói.

Mại vung kiếm quát:

— Tao là quan Hộ-thành, vào bắt cậu chúng bay. Đứa nào trên vào tay tao, tao chém rụng đầu.

Nghe tiếng Nguyễn-Mại, bọn gia nhân đã thất đảm, nhưng cậy thế Đặng-Lân chúng vẫn hống hách, quát lớn:

— Mày muốn chết à? Đến lễ tướng còn sợ cậu đấy.

Mại điên tiết ấy họ ngã lòng chống, mặt chàng dữ dằn, uy nghiêm như hộ vệ thiên thần.

Chỉ trong chốc lát, Mại và bọn tùy tùng đã tới gần giường cậu Trời.

Bọn thân binh của Đặng-Lân xô ra lại chống-cự.

Mại múa kiếm, đánh bên tả, đánh bên hữu, bọn tùy tùng của chàng cũng tung hoành như bầy mãnh hổ giữa đàn dê. Mại quát:

Tao không muốn giết chúng bay. Tao đến hỏi tội đứa dâm ác. Đứa nào muốn sống thì chạy đi không tao chém hết.

Cậu trời ở trong giường thấy bọn người nhà đã yếu thế, mà mỗi lúc bọn Nguyễn-Mại một tới gần.

Hắn sợ bắn người lên, luôn mồm kêu khổ.

— Có biết thế, thì nghe thằng Bùi-Đăng.

Nhưng hắn lại nghĩ:

— Cùng lắm, thì nó lại làm sớ tâu lên chúa, chúa lại tha ta, sợ gì? Ta còn tâu chúa thượng khép nó vào tội không tuân vương chỉ, phen này thì nó mất đầu....

Bọn thân binh nhà Đặng đã chạy tán loạn. Nguyễn-Mại quay bảo Phạm-Kinh:

— Gọi Đặng-Lân ra đây ta hỏi!

Lân tùng thế, vén màn quát:

— Mày vào đây làm gì? Không biết đây là nơi nghiêm cấm hay sao?

Mại nói:

— Ta đến hỏi tội mi. Mi làm gì ở đây?

— Tao làm gì mặc tao.

— Không mặc được. Tội mi đã nhiều. Nay là ngày mi tận số. Mi cậy thế làm càn, giết người lấy của, hãm hiếp đàn bà con gái, luật pháp không dung, thần nhân đều giận. Ta thể lòng mong mỏi của muôn dân đến đây trừ một mối hại lớn. Quân bay! giữ lấy nó cho ta.

Bọn tùy tùng dạ ran, đến vây giường thái bảo. Cô Ngọc nhà mình nửa thẹn, ở trên giường bước xuống. Lính chạy thì một người lính đã bắt lấy, dẫn đến trước Nguyễn Mại. Nàng xụp xuống lậy, khóc-lóc thưa:

— Ơn quan lớn, thiếp không biết lấy gì báo đáp. Quan lớn đến chậm một chút, thì thiếp đã bị điểm nhục rồi! Xin quan lớn cho thiếp được về, để mẹ thiếp yên tâm.

Mại gạt đi:

— Cô phải ở đây. Sự thể thế nào phải khai ra cho bản chức biết.

Cô Ngọc ngập ngừng một lúc, rồi cứ thực khai ra. Mại quay bảo cậu Trời:

— Mi đã biết tội chưa? Để mi làm gì?

Chỉ một bước Mại đã đến bên giường. Đặng-Lân nhảy xuống giường định chạy. Mại đuổi theo nắm tóc lôi lại. Lân kêu:

— Mày dám giết tao sao? Tao thách đấy.

— Bản chức đến đây chỉ có việc ấy. Tội vạ đầu bản chức chịu.

Kiếm sáng vung lên. Đặng Lân họa cả mắt, kêu:

Bùi Đăng, chúng bay đâu?

Kiếm đã tới gần, hắn ra lạy:

— Ta là cậu Trời:

Mại quát:

— Cậu Trời cũng chém!

Chỉ một nhát kiếm đầu Đặng Lân đã rụng, máu bắn ra phun phụt. Cô Ngọc quay mặt không dám nhìn, và bọn lính trắng thở dài, lo sợ cho quan Hộ thành thần miễn.

Mại ung-dung trao kiếm cho Đang phan bảo:

— Rửa máu tanh hôi đi.

Chàng ngồi vào bàn, lấy bút mực, thảo một tờ sớ kể rõ tình đầu, trao cho Phạm Kinh đem về trước, dặng chúa ngự lãm. Chàng sai lính canh phòng cẩn mật khỏi xảy ra ân mạng đặn cô Ngọc theo mình đi, rồi cởi mũ, cởi áo, cởi hia, chàng lấy ra một cái thắng dài, bảo Phạm Kinh:

— Ngươi trói ta lại, dẫn ta ra mắt chúa thượng.

VII

Trong Vương phủ, đèn đuốc sáng trưng, vì trời hôm nay tối sớm. Chúa Tĩnh Đô ngồi trên sập sơn son thếp vàng nét mặt trầm ngâm vẽ Đặng Tuyên-phi quỳ ấm lấy chân chúa, khóc lóc nức-nở. Chúa nâng nàng dậy ngắm nhìn nàng: đẹp hơn

hồng hoa tuyết điểm mà gió nhẹ làm rung. Mắt ngọc vẫn mây mờ và mưa lệ rơi buồn vào lòng chúa. Đôi mắt đa tình như đôi sao sáng đẫm sương. Phi khóc đã hàu, như oán, như than, sắt đá cũng không thể cầm lòng. Chúa yên ủi nàng và phán :

— Ái phi đứng dậy, và đừng khóc nữa, cho ta thêm phiền.

Tuyên phi gạt nước mắt, cất tiếng nói, giọng trong như ngọc và lời thanh thót não nùng :

— Tâu chúa thượng, tiện thiếp chỉ có một em trai để nối dõi tông đường. Thấy chúa thượng che chở, nên triều đình, vương phủ, tì quan chi dân, ai ai cũng ghen ghét, đặt điều thị phi để định hãm hại. May được vương thượng thánh minh, chứ không, em tiện thếp đâu được đến ngày nay? Hai chị em tiện thiếp, trong chốn kinh thành, trừ vương thượng là rủ lòng thương, còn không một ai ưa cả. Vậy không hiểu tiện-thiếp có làm gì nên tội mà người ta ghét lắm? Nay người ta lại dám đem em tiện thiếp giết đi, ngay trước mặt đại vương, khiến cho tiện thiếp mất em, qua lại chúa mất chồng. Vương thượng mất rể, nhà thiếp từ nay, tuyệt dự! Tiện thiếp tưởng không còn tội ác nào to hơn nữa. Chết thương hại cho tiện thiếp, mẹ mất sớm, cha thì già. Tiện thiếp là phận gái đời bỏ đi rồi, nay em tiện thiếp mất đi, cha già lấy ai trông cậy? Thân ôi! nhà nho thanh bạch, có làm gì hại âm đức, mà em tiện thiếp phải chết như một kẻ sát nhân? Thằng Nguyễn Mại nó phạm đến cả uy-quyền Vương thượng, nó dám giết cả rể Vương thượng, mà Vương thượng ngờ đi sao? Nó coi thường cả Vương chỉ, dung nó để loạn phép nước hay sao? Tiện thiếp không hiểu, làm sao, Vương thượng cử bênh vực nó gán chức trọng cho nó.

Nàng khóc rồi lại tiếp :

— Chỉ thương cho tiện thiếp, tưởng được Vương-thượng che chở, em trai cũng được nhờ đôi chút, ai hay nó vẫn không thoát chết, chết thảm, chết hại, thực là thiếp xấu số, cũng thiếp vô duyên, cha thiếp bạc đức! Tiện thiếp còn sống làm chi, trời hỡi là trời!

Tuyên phi nói xong, lại khóc rất thảm thiết, rồi ngất đi mà quả đáng đơn. Chúa ôn lấy phi, gọi mãi nàng mới tỉnh. Chúa vỗ về :

— Ái phi, cố yên tâm, đừng khóc nữa. Ta sẽ đem chém đầu giết Đặng Quốc cữu.

Đặng phi lậy tạ. Nàng hỏi :

— Vương thượng có chừa trị tội tên giặc bảo thù cho em tiện thiếp không? Hay Vương thượng lại nể nó mà ngơ đi? Than ôi! Em tiện thiếp bị cái thảm hoạ này, oan hồn uất ức, cui xin chúa thượng vì nó mà cứu hồn, cho nó được mát-mẻ dưới suối vàng. Chúa thượng đã quyết chưa?

— Ái phi cứ yên tâm. Ý ta đã quyết.

Tuyên phi lại xụp xuống lậy, lui ra.

Chúa Tĩnh-đô hút một hơi thuốc vẻ mặt bận khoăn... Nghe Tuyên phi hay giết Nguyễn Mại? Chúa chưa biết chọn đường nào? Sau cùng, chúa lầm bầm :

— Đã hứa với nàng, thì phải trọng nhời hứa.

Vừa lúc ấy thì có nội giám vào thỉnh chúa ra nhà Nghị sự và tâu rằng: Nguyễn Mại đã tự trói mình đến xin chịu tội. Chúa sắp bước ra, thì có tiếng ai gọi lại. Chúa giật mình. Thái phi vén rèm đi vào một đội thể nữ theo hầu, nét mặt Thái phi nghiêm nghị và giận-dữ. Chúa vào bước tới trước mặt Thái-phi, xụp xuống lậy :

Mẹ ra bao giờ, con không được biết, thực mang tội bất hiếu.

Thái-phi nâng chúa dậy, rồi ngồi xuống một cái cẩm đôn. Chúa cung kính chắp tay đứng hầu.

Thái phi truyền cho thể nữ lui ra, rồi chậm rãi nói :

— Nhà chúa ngồi xuống.

— Mẹ cho phép đứng hầu cho trọn đạo.

— Nhà chúa có biết chuyện gì không?

— Thưa mẹ, mẹ dạy điều gì?

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Sau đêm hội Long-trì

11 thiên tiểu-thuyết lịch-sử sắp đăng hết, Tri-Tân sẽ cống hiến các bạn đọc quí mến hai món quà rất lý-thú và rất ly-kỳ :

1° **Vũ như-Tô**, kịch lịch-sử của *Nguyễn Huy-Tưởng* (Tả rõ cái say sưa, lòng yêu, nghệ thuật của Vũ-Như-Tô, người có thiên-tài về khoa kiến trúc ở đời vua Lê Tương Dực. Độc-giả nhân đó sẽ thấy cái cớ tại sao nước ta ngày xưa thiếu những kiểu lạ mẫu khéo về nghề kiến-trúc, thua kém các nước láng giềng về phần đẹp đẽ hùng tráng của các đền, đài, chùa tháp, v. v.)

2° **Cháy cung chương võ** tiểu thuyết của Chu-Thiên.

(Rồi sau Trần Thủ-Độ làm thế nào mà thống nhất được thiên-hạ? Hai nhà trang-sĩ đế vương Nguyễn Nộn và Đoàn-Thượng vì đâu mà thua tan?..

Tất cả sẽ thấy diễn ra trong cuốn **Cháy cung chương võ** mà vai chính Đoàn công tử tức Đoàn Văn con Đoàn Dòng hải đại vương sẽ cho ta biết những hành động nhưng xử sự phi thường và vô cùng cảm động)

學醫東亞

Muốn nghiên cứu khoa thuốc á-đông, nên mua ngay :

Sách thuốc Việt-Nam. .	2$50
Tính các vị thuốc. . .	3 00
Khoa thuốc xứ nóng. .	2 00
Khoa chữa Phổi. . . .	1 00
Khoa chữa mắt. . .	1 00
Khoa chữa trẻ con. . .	0 80
Ngoại khoa. . . .	1 00
Sinh lý học. . . .	1 00

cước quyển lớn 0$60, nhỏ 0$30.

Hỏi : *M. Nguyễn-xuân-Dương Lạc-long 22 Tientsin Hanoi.*

NHỮNG SÁCH CỦA THƯ-XÃ
ALEXANDRE DE RHODES

ĐÃ XUẤT BẢN

1. — KIM-VÂN-KIỀU, tome I (hết)
2. — THƠ NGỤ-NGÔN LA FONTAINE (hết)
3. — LƯỢC-KHẢO VIỆT-NGỮ
của Lê-văn-Nựu *Giá 0$50*
4. — **LE PAYSAN TONKINOIS**
à travers le parler populaire
của PHẠM-QUỲNH
80 trang khổ 17×23 có nhiều tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH — Bìa 2 màu.
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại La 5$00
5. — **TRẺ CON HÁT, TRẺ CON CHƠI**
của NGUYỄN-VĂN-VĨNH, sưu tập khổ lớn 22×32, toàn tranh ảnh và bìa 2 màu.
Bản thường 0$50 — Bản giấy Đại La 5$00

SẮP XUẤT BẢN

6. — **Kim Vân Kiều tome II** (trọn bộ)
bản dịch Pháp-văn của NGUYỄN-VĂN-VĨNH
460 trang khổ 17×23
có nhiều tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bản thường 3$00 — Bản giấy Vergé bouffant 8$50
Tổng phát-hành : **Mai-Lĩnh**
21 Rue des Pipes — Hanoi.

ĐÃ CÓ BÁN :

KHẢO LUẬN VỀ
KIM VÂN KIỀU

ĐÀO-DUY-ANH

*

Quyển sách đầu tiên nghiên cứu và bình luận tổng quát về Nguyễn-Du và tác phẩm, có phụ cả *Thanh-hiên thi tập* và *Bắc-hành tạp-lục*.

Giá **2$40**

VĂN HÓA
29, Maréchal Pétain — Huế

Quyển Từ-điển chuyên môn đầu tiên trong kho sách quốc-văn.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH
Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

« Đọc quốc-văn mà có hiểu những tiếng cổ điển tích thì mới cảm thấy cái hay của quốc-văn. Có cảm thấy cái hay ấy thì mới để ý đến quốc-văn và ưa chuộng quốc-văn. Nay tiên-sinh cho xuất bản tập « Văn-liệu Từ-điển » giảng rõ những tiếng dùng trong quốc-văn mà có điển cố, thật là một cái cống to với quốc-văn, pi tập sách ấy sẽ giúp ích cho người học quốc-văn một phần lớn ».

Trích thư của
Đốc-học Nguyễn Quang Oánh

Sách dày ngót 400 trang khổ rộng 16×25.
Giá bán lẻ có 5$00

Mua một quyển, xin gửi tiền trước thêm 0$70 cước phí đảm bảo, về :

Ô. Quảng-vạn-Thành
16, Phố Lê Lợi — HANOI
51, Doumer HAIPHONG

TỦ SÁCH TÂN VĂN HÓA

do nhà

HÀN-THUYÊN
71, Tiên-Tsin — HANOI

MỚI CÓ BÁN

NGUỒN GỐC VĂN MINH 2$20
Trong bộ « NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ »
của NGUYỄN BÁCH KHOA

ĐÃ XUẤT BẢN

— **NHÂN LOẠI TIẾN HÓA SỬ** (1$80)
của *NGUYỄN BÁCH KHOA*
— **ÓC KHOA HỌC** (2$20)
của P. N. KHUÊ
— **GỐC TÍCH LOÀI NGƯỜI** (1$80)
— **ĐỜI SỐNG THÁI CỔ** (2$20)
của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

*

Ở xa mua 1 cuốn xin trả tiền trước thêm 0$40 cước. Không lệ bán lĩnh hóa giao ngân.

REVUE TRI TÂN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur Gérant : Nguyễn-Tường-Phượng Imp. Tri-Tân 95—97 Chanceaulme, Hanoi